

Số: /BC-UBND

Bình Phước, ngày tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Xã Bình Phước, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là người nghèo trong khu vực rủi ro cao, phụ nữ, người cao tuổi và người khuyết tật nhiều lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên kiến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho các kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

I - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ XÃ

1. Đặc điểm tự nhiên

a) Vị trí địa lý, ranh giới hành chính, sông, suối, rừng, núi, biển...

*** Vị trí địa lý**

Bình Phước là một xã đồng bằng, tuy nhiên địa hình rất phức tạp đồi núi xen lẫn, chia cắt các khu dân cư; giao thông đi lại rất khó khăn, nắng bụi, mưa lầy; dân cư thưa thớt. Xã Bình Phước nằm về phía Đông huyện Bình Sơn, cách trung tâm huyện 09 km và cách trung tâm Khu đô thị Vạn Tường 2 km; Có diện tích tự nhiên 2345,71 ha.

Ranh giới hành chính tiếp giáp với các xã: Phía Đông giáp xã Bình Hoà và Bình Trị; phía Tây giáp xã Bình Thới và Bình Dương; phía Nam giáp xã Bình Thanh Tây và xã Bình Long; phía Bắc giáp xã Bình Đông và xã Bình Trị.

*** Địa hình, địa mạo**

Bình Phước là một xã đồng bằng có địa hình không bằng phẳng, trên địa bàn xã có một số gò đồi xen kẽ với đồng ruộng, về phía Đông xã có đồi núi xen kẽ với những nhánh sông suối nhỏ, đây là điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp đặc biệt là các loại cây rau màu.

*** Tài nguyên nước**

- **Nước mặt:** Diện tích sông suối và mặt nước chuyên dùng trên địa bàn xã có 2292,46 ha chiếm 12,47% tổng diện tích tự nhiên. Đây là nguồn nước mặt cung cấp chính để phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

- **Nước ngầm:** Là nguồn tài nguyên quan trọng để bổ sung cho nguồn nước mặt phục vụ sản xuất và sinh hoạt, nhưng do cấu tạo địa chất nên mạch nước ngầm trên địa bàn xã hết sức hạn chế.

*** Tài nguyên rừng:**

Diện tích rừng 423,03 ha, chiếm 17,94% diện tích tự nhiên, chủ yếu là rừng sản xuất, phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng cây lâm nghiệp như cây Bạch đàn, cây keo,...

Rừng ngập mặn: 70ha, chủ yếu là trồng cây dừa nước, do dự án trước đây đầu tư và người dân tự trồng.

*** Thủy văn:**

Địa bàn xã có 03 con sông đó là sông Thái Tân, sông Cà Ninh và sông Bi chảy dọc theo địa phận xã chiều dài 10km, có kênh thạch nham B7 dài 5,7km và các hồ chứa nước nên rất thuận lợi cho việc cung cấp nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

*** Thổ nhưỡng:**

Theo phương pháp phân loại của FAO-UNESCO xã Bình Phước có 04 nhóm đất chính gồm: Đất xóm Feraxit đá lùn nông (Acfa-11), đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá lùn nông (Lpd-11), đất phù sa đầm rì cơ giới nhẹ (Flc-a), đất nâu đỏ đá lùn nông (FRr-11).

*** Không khí:**

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa Duyên hải Nam Trung bộ, ảnh hưởng chung khí hậu của tỉnh Quảng Ngãi; có nền nhiệt độ cao, mưa tương đối nhiều, bức xạ lớn.

TT	Điều kiện khí hậu	Đặc điểm		Dự báo BĐKH của Tỉnh năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (Theo báo cáo của Bộ TNMT 2016)
		Đơn vị	Tháng xảy ra	
1	Nhiệt độ Trung bình (°C)	26	9, 10, 02, 03	Tăng 1.9°C <i>(giá trị dao động khoảng 1.3-2.6°C)</i> <i>(trang 49, kịch bản BĐKH)</i>
2	Nhiệt độ cao nhất (°C)	40-41	3,4,5,6,7,8	Tăng thêm khoảng 1.6-2.4°C <i>(Hình 5.5, trang 51 – kịch bản BĐKH)</i>
3	Nhiệt độ thấp nhất (°C)	18-22	11, 12, 01,02	Tăng thêm khoảng 1.6-1.8°C <i>(Hình 5.7a, trang 51 – kịch bản BĐKH)</i>
4	Lượng mưa Trung bình (mm)	1.800-2300mm/năm	10, 11	Tăng thêm khoảng 25.1 mm <i>(dao động trong khoảng 17.0-33.5mm)</i>

5	Lượng mưa Cực trị - cao nhất (mm)	2500mm/năm	10	Tăng thêm khoảng 40-50mm/đợt (Hình 5.14a, trang 59)
	Diễn biến	Diễn biến	Tần suất /năm	
6	Xu hướng hạn	Hạn hán có xu hướng gia tăng	01-02 lần /năm	
7	Xu hướng bão	Tần suất ngày càng tăng, cường độ mạnh, xảy ra vào những tháng cuối năm, di chuyển dần về phía Nam.	07-08 lần /năm	
8	Xu hướng lũ	- Mưa lớn kéo dài - Nước dâng lên nhanh có xu hướng gia tăng, xuất hiện nhanh bất ngờ	03-05 lần/năm	
9	Số ngày rét đậm	Kéo dài khoảng 20 ngày đến 01 tháng	02 - 03 lần /năm	
	Mực nước tại các trạm hải văn	Dâng lên cao từ 2,5-3m		Tăng khoảng 25cm (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ đèo hải văn đến mũi đại lãnh)
10	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão	Thường xuyên bị ngập lụt và nước biển dâng cao do bão	04-05 lần /năm	Khoảng 0.86% diện tích – tương đương khoảng 514,080ha (Bảng 6.10, kịch bản nước dâng 100cm vào cuối thế kỷ trang 77)

*** Các hệ sinh thái:**

Hệ sinh thái nông nghiệp đơn thuần, các đối tượng cây trồng và vật nuôi truyền thống; hệ vi sinh trong đất khá phong phú, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp.

b) Đặc điểm khí hậu nổi bật

Khí hậu mang đặc điểm nhiệt đới gió mùa, lượng mưa, lượng nhiệt phân bố không đồng đều. Cụ thể như bản số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình hằng năm là 26⁰C cụ thể: nhiệt độ cao từ tháng 3 đến tháng 8, nhiệt độ thấp từ tháng 11 đến tháng 02 năm sau. Chế độ gió chủ yếu có hai hướng gió chính đó là gió Tây Nam và gió Đông Bắc. Chế độ không khí ẩm tương đối cao, trung bình 80% và biến đổi theo mùa, cao nhất vào tháng 11. Lượng bốc hơi trung bình 700 – 900mm/ năm. Lượng mưa trung bình từ 1800 – 2300mm/ năm, tập trung ở tháng 10 và tháng 11 bình quân 400 – 500mm/ tháng.

c. Bảng thống kê

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại hình sản xuất
1	Tổng diện tích đất tự nhiên	2357,90	
2	Đất thổ cư	29,71	Nhà ở
3	Đất nông nghiệp khác	444,16	Ngô, rau, lạc, mì, mè, dưa, ớt
4	Đất lúa nước	473,83	lúa
5	Đất trồng cây lâu năm	448,44	Dương liễu, keo, bạch đàn, tre
6	Đất rừng sản xuất	423,03	Keo lai, bạch đàn, dương liễu
7	Đất rừng phòng hộ	70,00	Trồng dừa nước
8	Đất nuôi trồng thủy sản	3,83	Cá, cua, tôm
9	Đất chuyên dùng	278,05	Đất trụ sở cơ quan, Đất sản kinh doanh phi nông nghiệp, Đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp
10	Đất chưa sử dụng	11,58	

2. Tình hình kinh tế - xã hội

2.1. Số thôn và tên các thôn:

Xã Bình Phước có 05 thôn:

- Thôn Phú Long 1 gồm có 04 xóm: Xóm 1, xóm 2, xóm 3A và xóm 3B.
- Thôn Phú Long 3 gồm có 04 xóm: Xóm 4, xóm 5, xóm 6 và xóm 7.
- Thôn Phú Long 2 gồm có 04 xóm: Xóm 8, xóm 9, xóm 10 và xóm 11.
- Thôn Phước Thọ 1 gồm có 04 xóm: Xóm 1, xóm 2, xóm 3 và xóm 4.
- Thôn Phước Thọ 2 gồm có 04 xóm: Xóm 5, xóm 6, xóm 7 và xóm 8.

2.2. Thông tin về dân số, kinh tế xã hội cơ b

a) **Dân số:** Toàn xã có 1.948 hộ, với 6.846 nhân khẩu, được phân bố theo bảng sau:

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Thôn Phú Long 1	402	20	21	39	14	25
2	Thôn Phú Long 2	529	43	36	55	10	45
3	Thôn Phú Long 3	375	20	21	28	9	19
4	Thôn Phước Thọ 1	438	30	32	49	13	36
5	Thôn Phước Thọ 2	349	31	17	45	11	34
	Tổng	2.093	144	127	216	57	159

Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương				
		Trẻ em dưới 16	Phụ nữ sinh đẻ *	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Người bị bệnh hiểm nghèo
1	Thôn Phú Long 1	359	155	42	30	6
2	Thôn Phú Long 2	430	201	54	46	8
3	Thôn Phú Long 3	312	165	47	19	3
4	Thôn Phước Thọ 1	401	187	47	23	2
5	Thôn Phước Thọ 2	311	192	23	34	5
	Tổng cộng	1.813	900	213	152	24

TT	Thôn	Dân số (người)	Lao động (người)		Lao động qua đào tạo nghề	
			Tổng số	Trong đó		
				Nông nghiệp		Phi nông nghiệp

1	Thôn Phú Long 1	1.264	743	701	42	175
2	Thôn Phú Long 2	1.674	1.004	975	29	267
3	Thôn Phú Long 3	1.284	415	405	10	135
4	Thôn Phước Thọ 1	1.450	874	814	60	78
5	Thôn Phước Thọ 2	1.174	628	608	20	116
Tổng cộng		6.846	3.664	3.503	161	771

b) Về kinh tế

*** Về sản xuất nông nghiệp**

- Trồng trọt

Cây lúa: Thực hiện được 616 ha đạt 91,7% kế hoạch năm (55,7ha không gieo sạ được do ngập úng vụ Đông xuân 40 ha; 12 ha do thâm nhập mặn và 3,7ha do thiếu nước).

Cây ngô: Diện tích thực hiện được 51ha, đạt 100% kế hoạch huyện giao, năng suất bình quân đạt 57tạ/ha, sản lượng 293,1 tấn, đạt 106,89% so với KH.

Cây đậu và các loại cây công nghiệp ngắn ngày:

Cây đậu phụng: Thực hiện 70ha, đạt 100% kế hoạch huyện giao, NSBQ: 20,97tạ/ha; sản lượng 146,8tấn, đạt 99,72% so với KH.

Đậu các loại: Thực hiện 11ha, đạt 100% kế hoạch huyện giao, NSBQ 19,18tạ/ha; sản lượng 21,1 tấn, đạt 100,95% so với KH.

Cây dưa hấu: Diện tích kế hoạch là 2ha, đạt 100% kế hoạch huyện giao, NSBQ 300tạ/ha; sản lượng 60tấn, đạt 100% so với KH.

Cây cỏ: Thực hiện 20ha, đạt 100% KH, năng suất 700tạ/ha, sản lượng 1.400 tấn, đạt 117% so với KH.

Cây mì: Thực hiện 212ha, đạt 100% KH, năng suất 260tạ/ha, sản lượng 5.500 tấn, đạt 99,78% so với KH.

Cây ớt: Thực hiện 15ha, đạt 300% kế hoạch huyện giao, năng suất đạt 260 tạ, sản lượng 390 tấn, đạt 300% KH. (Năm 2017 giá ớt thị trường giảm nên thu nhập bình quân 20 triệu đồng/1000m²).

- Chăn nuôi:

+ Tổng đàn gia súc, gia cầm trong năm 2017: 240 con trâu, 3.500 con bò (trong đó bò lai 2.835 con), 2.800 con lợn, 160 con dê, 75.000 con gà, vịt.

+ Công tác phòng chống dịch gia súc, gia cầm: Tình hình dịch bệnh trên đàn GSGC tương đối ổn định. Những ổ dịch nhỏ lẻ xảy ra đã được dập tắt kịp thời không để lây lan ra diện rộng, các bệnh nguy hiểm ở gia súc, gia cầm không có xảy ra.

+ Công tác tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi: Phun thuốc vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường với tổng diện tích 150.000 m² (130 lít IODIN).

+ Công tác kiểm soát giết mổ: Được thực hiện kiểm tra thường xuyên các lò giết mổ và các điểm mua bán động vật.

*** Giao thông - thủy lợi**

- Giao thông:

+ Thực hiện sửa chữa đường giao thông nông thôn sau mùa mưa (UBND xã hỗ trợ tiền đào đất, nhân dân đóng góp tiền vận chuyển và công ban đường) với khối lượng là 3000m³ đất, kinh phí UBND xã hỗ trợ 43.000.000 đồng.

+ Vận động nhân dân hiến đất, cây cối, hoa màu,... để làm đường BTXM giao thông nông thôn tuyến đường Nhà ông Hạp - nhà Đãi và 6 tuyến đường Ngõ, Xóm được huyện hỗ trợ xi măng năm 2017.

- Thủy lợi:

+ Tập trung khắc phục khẩn cấp các hạng mục công trình bị hư hỏng do mưa lũ để đảm bảo tái nước gieo sạ, huy động ngày công ra quân nạo vét kênh mương nội đồng để phục vụ sản xuất với tổng số công khoán 1200 công; theo dõi việc khắc phục hậu quả bồi lấp kênh mương do thi công Nhà máy giấy VNT-19, thi công tuyến đường tránh lũ của Công ty TNHH Lê Phan và khai thác đất của Công ty TNHH Chiêu Kỳ,...nhờ đó đã hạn chế đến mức thấp nhất diện tích cây trồng bị khô hạn thiếu nước.

+ Thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi bảo vệ an toàn các công trình kênh mương, Hồ đập phục vụ sản xuất.

+ Thi công hoàn thành công trình chống hạn: Kênh Hóc Lầy tại Xóm 8, thôn Phú Long 2.

*** Lâm nghiệp**

- Tổng sản lượng khai thác gỗ nguyên liệu đạt 6.600 tấn, đạt 100% so với kế hoạch năm.

- Tuyên truyền cho bà con về Dự án trồng rừng ngập mặn giai đoạn 2015 -2019 ở xóm 3A, 3B thôn Phú Long 1.

- Tuyên truyền cho bà con trồng và chăm sóc diện tích rừng hiện có.

- Tổ chức tổng kết công tác PCCC năm 2016, triển khai công tác phòng cháy chữa cháy năm 2017; xây dựng Phương án PCCC rừng giai đoạn 2017 – 2020; Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nên trong năm trên địa bàn xã không có vụ cháy nào xảy ra.

*** Khai thác thủy sản**

Toàn xã có 06 hộ nuôi trồng thủy sản với 145 ao, hồ nuôi tôm, cua và cá nước ngọt; trong đó: Nuôi tôm: năng suất bình quân đạt 19tạ/ha, sản lượng 1,33 tấn, đạt 133% so với KH năm; nuôi cá nước ngọt: sản lượng 1,8 tấn, đạt 72% so với KH năm.

Địa phương có 02 chiếc thuyền, công suất là 492CV hành nghề lưới vay, với 25 lao động, sản lượng khai thác khoán 69 tấn, đạt 101% so với kế hoạch năm.

Trong toàn xã có trên 70 ngư dân làm nghề câu mực, tổng thu nhập ước đạt khoảng trên 5,8 tỷ đồng.

*** Công tác tập huấn, chuyển giao khoa học:**

Trong năm đã Phối hợp với Trạm khuyến nông và các Hội đoàn thể xã tổ chức mở 03 lớp tập huấn công tác trồng và chăm sóc cây ớt; 03 lớp trồng và chăm sóc cây lúa có tổng số người tham gia là 402 người.

*** Về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

- Triển khai làm đường bê tông xi măng tuyến đường nhà Hạp – nhà Đãi thôn Phước Thọ 2 tổng chiều dài 1.347m, với tổng nguồn kinh phí 1.220 triệu đồng, trong đó: tỉnh hỗ trợ 854 triệu đồng, huyện hỗ trợ 244 triệu đồng, ngân sách xã 122 triệu đồng; Tiếp nhận 190 tấn xi măng do huyện hỗ trợ và triển khai làm đường Bê tông xi măng 6 tuyến đường Ngõ, Xóm với tổng chiều dài 2075m, tổng nguồn kinh phí 1.081 triệu đồng, trong đó: huyện hỗ trợ 335 triệu đồng, ngân sách xã 219 triệu đồng, nhân dân đóng góp 527 triệu đồng và vận động nhân dân hiến được 24.141 m².

- Thi công hoàn thành Công trình UBND xã, Hạng mục: Sân, đường, tường rào, bảng tên cơ quan, với nguồn kinh phí huyện hỗ trợ cùng ngân sách địa phương với tổng kinh phí 488.895.000đồng; Công trình chống hạn: Kênh Hóc Lầy tại xóm 8, thôn Phú Long 2, với tổng kinh phí 179.210.000đ, trong đó: huyện hỗ trợ 100 triệu đồng, ngân sách địa phương 79.210.000đ; Nâng cấp đường dây 0,4KV phục vụ cho 45 hộ dân xóm 11 (Phước Đồng), thôn Phú Long 2 với tổng kinh phí là 500.000.000đồng (chưa tính tiền đền bù, giải phóng mặt bằng), trong đó: huyện hỗ trợ 400.000.000đồng, còn lại ngân sách xã.

- Vận động xã hội hóa nguồn kinh phí để xây dựng công chào xã với tổng kinh phí 100 triệu đồng.

- Thi công công trình (08 phòng học) Trường THCS Bình Phước, với tổng kinh phí 3.500 triệu đồng do huyện làm chủ đầu tư.

- Ban hành Kế hoạch và tổ chức điều tra đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí NTM trên địa bàn xã; hoàn thiện hồ sơ và phục vụ Hội đồng thẩm định huyện đánh giá 19 tiêu chí NTM. Kết quả Hội đồng thẩm định huyện đã thẩm định xã đạt 14/19 tiêu chí đạt tiêu chí nông thôn mới, tăng 02 tiêu chí so với năm 2016.

*** Công tác “Đồn điền đổi thửa”:** Thực hiện công tác “Đồn điền đổi thửa” tại Xóm 10, thôn Phú Long 2 với tổng diện tích 22,18ha đến nay đã tiến hành giao ruộng cho nhân dân.

*** Sản xuất TTCN, TM-DV**

- Tiêu thủ công nghiệp

Giá trị Tiêu thủ công nghiệp ước thực hiện (theo giá hiện hành) đạt 1.915 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch năm.

- Thương mại – Dịch vụ và GTVT:

Doanh thu thương mại – dịch vụ ước thực hiện (theo giá hiện hành) đạt 12.000 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch năm.

c. Y tế

Trong năm 2017 Ban Chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm tổ chức các đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã, tổ chức tập huấn, cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm cho 45/60 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống. Công tác khám chữa bệnh

được chú trọng và thường xuyên đảm bảo chất lượng an toàn tuyệt đối trong chuyên môn, không có xảy ra tai biến trong công tác chuyên môn.

Tổng số bệnh nhân khám chữa bệnh trong năm là 1985 lượt. Trong đó: trẻ em dưới 15 tuổi 384, số bệnh nhân khám BHYT là 1.985, số bệnh nhân khám bằng YHDT: 560, số bệnh nhân chuyển tuyến 05, tổng số lượt khám điều trị dịch vụ 560; Trong năm, không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn xã.

d. Giáo dục

Thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, việc giảng dạy và học tập đảm bảo nội dung chương trình theo quy định; tham gia tốt các hoạt động do địa phương tổ chức; Công tác phổ cập giáo dục, chống mù chữ đạt 95,4%. Đồng thời các Trường tổ chức tổng kết năm học 2016 – 2017 và khai giảng năm học 2017 – 2018 đảm bảo theo kế hoạch.

2.3. Tóm tắt những rủi ro thiên tai đặc thù nhất của xã

Do vị trí xã địa hình không bằng phẳng, có 03 con sông chảy qua nên thường hay chịu tác động bởi thiên tai như: bão, lũ lụt... Mặt khác, hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, phương tiện cứu hộ cứu nạn thiếu thốn, nên thường gặp rủi ro do thiên tai gây ra làm thiệt hại về người, nhà cửa, trường học, hệ thống điện, đường giao thông; thiệt hại hoa màu, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, người dân thiếu nước sạch khi thiên tai xảy ra.

II-KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH

A-THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Các hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Hoạt động sản xuất, kinh doanh	Diện tích/Quy mô	% hộ tham gia	Thu nhập trung bình (người/năm)
1	Trồng lúa với diện tích	727,4 ha	85% ;trong đó: nữ 50%; nam 50%	15 triệu đồng
2	Ngô, rau, lạc, mì, mè, dưa, ớt	444,16	80%, trong đó: nữ 50%; nam 50%	15 triệu đồng
3	Sản xuất lâm nghiệp: Dương liễu, keo, bạch đàn, tre	871,47 ha	20%, trong đó 90% nam,10% nữ	25 triệu đồng/năm
4	Rừng ngập mặn (Trồng dừa nước)	70,00	5%, trong đó: nam:60%, nữ:	15 triệu đồng

			40%	
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (Bún, gỗ dân dụng, may mặc)	65 cơ sở		30 triệu đồng
6	Thương mại, dịch vụ và buôn bán nhỏ	55		20 triệu đồng
7	Nuôi trồng thủy sản (145 ao, hồ)	3,83	06 hộ	35 triệu đồng
8	Nghề khác	Khoảng 172 hộ		20 triệu đồng

* Nhận xét

- Sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, rau màu) chiếm 85% tỉ lệ hộ dân trong toàn xã, thu hút cả nam và nữ mọi lứa tuổi đều tham gia. Tuy nhiên, kinh tế nông nghiệp phát triển chưa ổn định, giá trị thương mại của nông sản hàng hoá thấp, sản phẩm còn lại sau sử dụng đều là sản phẩm thô, chưa qua chế biến, tiêu thụ tự do trên thị trường qua tư thương, giá cả bấp bênh, tác động bất lợi đối với việc tái đầu tư phát triển sản xuất. Hầu hết, hộ nghèo và cận nghèo trong xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, thiếu đất canh tác và chịu nhiều tác động của thiên tai/BĐKH, đặc biệt là gia đình có người ốm đau kinh niên, phụ nữ là chủ hộ, người già neo đơn... họ có thu nhập thấp hoặc thất thu mà còn phải lo tốn nhiều chi phí nên hơn 70% lương thực làm ra họ phải bán để chi phí.

- Sản xuất lâm nghiệp (Dương liễu, keo, bạch đàn, tre) khá phát triển, thu nhập cao, chủ yếu là nam tham gia nên nam giới có quyền quyết định về sản xuất, thu hoạch và sử dụng thành quả đạt được.

- Tiểu thương và buôn bán nhỏ chiếm tỷ lệ thấp nhưng dễ tạo thu nhập và đặc biệt ngành này đa phần là nữ tham gia. Vì vậy, người phụ nữ dễ dàng sử dụng thu nhập để chi phí vào những việc cần thiết cho gia đình và bản thân mà ít phải chịu lệ thuộc vào người chồng. Khi thiên tai xảy ra thì người phụ nữ cũng là người chịu nhiều áp lực tâm lý sợ hư hỏng hàng hóa, lỗ vốn.

Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản (tỉ lệ rất thấp) thu nhập tương đối cao, hầu hết là nam giới tham gia nên khi thiên tai xảy ra nam giới thường phải chịu rủi ro cao; áp lực tâm lý do phải lao động kiếm tiền nuôi sống gia đình; tâm lý lo lắng cho gia đình, vợ con khi có thiên tai xảy ra. Bên cạnh đó, người phụ nữ thường phải chịu tổn thương về tâm lý, tinh thần, đặc biệt là khi nam giới gặp rủi ro khi tham gia ngành nghề có nhiều rủi ro.

2. Hạ tầng cơ sở

TT	Cơ sở hạ tầng	Năm xây dựng/sử dụng	Số lượng/chất lượng
1	Điện dân dụng	Năm 2002 hệ thống điện lưới quốc gia về đến các thôn	Có 14 trạm biến áp do Công ty cổ phần điện huyện Bình Sơn quản lý, với tổng dung lượng là 1155 kVA; gồm 15266m đường dây trung áp được đưa vào sử dụng có hiệu quả.
2	Đường giao thông	* Đường xã và đường từ trung tâm đến xã * Đường Ngõ, xóm * Đường trục chính nội đồng	Có 15 tuyến, tổng chiều dài 26,3km, đã đạt chuẩn theo quy định Nông thôn mới là 7,4km, đạt 28,1% Có 60 tuyến, tổng chiều dài 17,5km; Trong đó số tuyến đạt được 7 tuyến, chiều dài 2,4km đã đạt chuẩn theo quy định, tỷ lệ 13,7% Có tổng chiều dài là 25,5km, là đường đất lầy lội vào mùa mưa, tỷ lệ 0%.
3	Trường học các cấp - Cấp I - Cấp II	- Trường Tiểu học: - Trường Trung học cơ sở.	- Có 01 trường gồm 02 điểm trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quy định tại Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 và được phê duyệt tại Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công nhận trường Tiểu học Bình Phước, huyện Bình Sơn đạt chuẩn Quốc gia. - Trường xây dựng cơ sở vật chất đạt khoản 95% theo chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư 47/2012/QĐ-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường còn thiếu sân tập thể dục, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Trường chưa được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. - 01 cụm trường TH (Phước Thọ 1) xuống cấp cần xây dựng lại.

4	Nhà trẻ, Mẫu giáo	Trường Mầm non (mẫu giáo)	<p>- Hiện có 01 trường gồm 4 điểm trường, trong đó có 1 điểm trường chính, 3 điểm trường thôn, (điểm trường chính được xây dựng đảm bảo theo quy định tại Quyết định 36/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008).</p> <p>- Các điểm trường còn lại chưa được xây dựng đảm bảo còn thiếu các cơ sở vật chất như Phòng học, phòng ngủ, khu vui chơi, nhà vệ sinh,... nên Trường chưa được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.</p>
5	Trạm y tế	<p>- Trạm y tế xã được đầu tư khang trang (nhà 02 tầng) từ nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn khí năm 2011 và đạt chuẩn y tế quốc gia từ năm 2012 đến nay.</p>	<p>Trạm y tế xã có 8 cán bộ chuyên môn gồm: 1 bác sĩ, 4 y sĩ, 1 dược sĩ trung học, 1 điều dưỡng đại học, 1 nữ hộ sinh.</p>
6	Công sở Trụ sở UBND xã	<p>* Trụ sở làm việc UBND xã (nhà 02 tầng) gồm có 03 khu:</p> <p>- Khu chính quyền, 02 tầng, có 07 phòng làm việc và 01 phòng họp.</p> <p>- Khu Khối Đảng: xây dựng năm 2014, kiên cố gồm 11 phòng làm việc và 01 hội trường.</p> <p>- Khu Công an: xây dựng 2015, 02 phòng làm việc và 02 phòng tạm giam.</p>	<p>Chất lượng công trình tốt.</p> <p>- Lâu năm, xuống cấp;</p> <p>Kiên cố, có thể làm nơi trú bão, lũ</p> <p>Nhà cấp 4, mái bằng tole, đóng la phông.</p>
7	Trung tâm học tập cộng đồng	<p>Đã được xây dựng chung với khu Khối Đảng.</p>	<p>Hội trường có 300 chỗ ngồi, nhưng chưa có thiết bị chức năng, nhạc cụ, phục trang chuyên dùng hoạt động văn nghệ, thiết bị thông gió, tủ, giá sách.</p>
8	Trung tâm Văn hóa xã và Nhà Văn	<p>Chưa được xây dựng</p>	

	hóa thôn		
9	Chợ	01 chợ chính đóng trên địa bàn thôn Phú Long 2	Được xây dựng ở vị trí cao ráo không bị ngập nước. Ít hàng hóa, ít người tham gia trao đổi hàng hóa, chưa đáp ứng nhu cầu cho người dân trong xã.
10	Cầu, cống thoát nước	14 cầu cống Bê tông cốt thép	có 12 cầu cống xây dựng sử dụng quá lâu xuống cấp nên không phát huy hết khả năng thoát nước.

***Nhận xét:**

- Hệ thống điện: được phủ khắp 100% hộ dân trên địa bàn xã, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các thiết bị điện, phục vụ hầu hết trong các hoạt động của cuộc sống như: sản xuất, kinh doanh, tiếp cận các loại thông tin, chất lượng cuộc sống; đặc biệt là người phụ nữ thường xuyên tiếp cận với các thiết bị điện thay thế cho lao động chân tay như: nấu cơm, nước, giặt giũ quần áo...

- Các công trình phúc lợi về cơ sở hạ tầng: tất cả các nhóm đối tượng đều được tiếp cận, hưởng lợi từ các công trình này. Tuy nhiên, Trung tâm Văn hóa xã và Nhà văn hóa các thôn chưa được xây dựng, nên người dân ở các thôn khó có điều kiện để tham dự các cuộc hội họp để phổ biến các nội dung theo định kỳ, đột xuất; công tác tuyên truyền về PCTT thông qua các cuộc họp lồng ghép bị hạn chế; đối với nhóm đối tượng là người khuyết tật, người già, người thì càng ít có điều kiện tiếp cận hơn. Các công trình xây dựng chưa quan tâm đến việc sử dụng của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khi thiên tai xảy ra họ di dời đến; thiếu nước sạch, nhà vệ sinh sẽ rất khó khăn cho chị em phụ nữ.

3. Nhà ở

Thôn		An toàn nhà dân			
TT	Thống kê	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ (cần nâng cấp)
1	Phú Long 1	39	238	20	
2	Phú Long 2	27	392	11	
3	Phú Long 3	17	227	17	
4	Phước Thọ 1	30	326	25	
	Phước Thọ 2	28	205	60	
	Tổng cộng	141	1.388	133	

Hiện trạng nhà dân sinh và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH

Loại Nhà	Tổng số hộ	% nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	% nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Trong đó tổng số hộ/nhà có rủi ro cao và trung bình (3 + 4) thuộc diện(**)		
				Có thể gia cố, cải tạo	Cần phải xây mới	Cần phải di dời (tái định cư)
1	2	3	4	5	6	7
Nhà đơn sơ	0				18	
Nhà thiếu kiên cố	133	89,25	10,75	57	41	1
Nhà bán kiên cố	1.388	11,69	88,31	985	5	
Nhà kiên cố	141					

Ghi chú: Người dân ở 02 cụm thôn quan niệm nhà thuộc vùng rủi ro cao về nhà ở là những nhà ở của hộ dân ở những vùng dễ bị ảnh hưởng bởi tác động của thiên tai\BĐKH như: nhà ven sông, ven núi (dễ bị hư hỏng do bão, lũ); nhà vùng trũng dễ bị ngập nước vào mùa mưa, lũ.; nhà ở những vùng dễ bị sạt lở như: ven sông, sườn đồi...

4. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh		
		Giếng đào	Giếng khoan	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Tự hoại	Tạm	Không có
Phú Long 1	297	257	15	25		263	30	
Phú Long 2	430	396	34			375	73	
Phú Long 3	268	249	19			267	43	
Phước Thọ 1	381	370	11			246	48	
Phước Thọ 2	293	281	12			194	56	

Tổng cộng:	1669	1272	91	25				
-------------------	-------------	-------------	-----------	-----------	--	--	--	--

5. Y tế (dịch bệnh liên quan đến thiên tai/BĐKH)

Loại dịch bệnh liên quan đến người	Đối tượng (năm 2009)					
	Trẻ em	Phụ nữ	Nam	Người cao tuổi	NKT	Người bị bệnh hiểm nghèo
Sốt rét	0	0	0	0	0	0
Bệnh ngoài da	37	32	3	9	2	
Viêm đường hô hấp	156	38	75	38	6	
Tay chân miệng	0	0	0	0	0	

6. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
Rừng phòng hộ	70,00	100% diện tích nằm ở vùng nguy cơ cao khi có bão	
Rừng sản xuất :	423,03	90% diện tích nằm ở vùng nguy cơ cao khi có bão	Rừng sản xuất chủ yếu là đồi núi cao và gò đồi

Chất lượng và hiện trạng quản lý sử dụng rừng tại cộng đồng:

Loại rừng	Tổng Diện tích rừng	Liệt kê tên các	Liệt kê
-----------	---------------------	-----------------	---------

	thuộc vùng rủi ro cao & trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)
1	2	3	4
Rừng phòng hộ (rừng ngập mặn)	70,00	Dừa nước	Đánh bắt thủy sản tự nhiên, nuôi trồng thủy sản, khai thác lá dừa nước
Rừng sản xuất	423,03	Keo, bạch đàn	

Trên địa bàn xã Bình Phước có 70 ha rừng ngập mặn (chủ yếu là dừa nước) được cấp giấy phép sử dụng đất cho các hộ dân quản lý và sử dụng. Hiện nay trên địa bàn xã có 826,60ha đất trồng cây lâm nghiệp, trong đó, 423,03 ha là đất đồi gò. Toàn bộ diện tích này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao cho các hộ dân tự trồng, chăm sóc, quản lý và khai thác. .

Với diện tích rừng khá lớn, nhưng xã chưa có thành lập Ban Chỉ đạo Phòng cháy, chữa cháy rừng mà chủ yếu là dân tự bảo vệ. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nhiệt độ tăng lên, nắng nóng kéo dài thường xuyên, nguy cơ cháy rừng rất cao đây là mối đe dọa rất lớn cho ngành trồng cây công nghiệp.

7. Công tác phòng, chống thiên tai:

Công tác phòng chống thiên tai tại địa phương luôn được Đảng ủy, UBND xã quan tâm chỉ đạo và thường xuyên thực hiện, do đó trong những năm qua công tác ứng phó và chuẩn bị các điều kiện, năng lực để chủ động trong công tác phòng chống thiên tai đạt kết quả và hạn chế đến mức thấp nhất về thiệt hại và các rủi ro xảy ra.

Ban Chỉ huy PCTT đã được thành lập gồm có 58 thành viên (trong đó có 11 nữ) và có kiện toàn hàng năm; ngoài ra, xã Đức Minh còn các lực lượng PCTT & TKCHCN như: Dân quân xung kích (31 thành viên), Đội thanh niên xung kích (15 thành viên). Ban Chỉ huy PCTT xã đã xây dựng kế hoạch PCTT và triển khai phương án PCTT hàng năm.

Các thôn thành lập tổ PCTT từ 8-10 người (có nữ tham gia); chính quyền địa phương đã chủ động trong công tác tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua hệ thống đài truyền thanh cũng như trong các buổi hội nghị, các cuộc họp dân; nghiêm túc thực hiện việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác PCTT & TKCN, đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời theo quy định.

8. Sự phối hợp giữa Mặt trận và các tổ chức đoàn thể trong phòng, chống thiên tai:

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể, các cấp tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm pháp luật về PCTT&TKCN và tích cực tham gia công tác PCTT&TKCN - giảm nhẹ thiên tai.

- UBMTTQVN xã chỉ đạo Ban công tác mặt trận thôn phối hợp trưởng thôn, trưởng các khu dân cư tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai; tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai; kiểm tra, giám sát việc phân phối hàng hóa cứu trợ.

- Các Hội đoàn thể (nhất là lực lượng Đoàn TNCSHCM) thường xuyên phối hợp và thực hiện tốt công tác PCTT-TKCN và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Vận động hội viên, đoàn viên tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai; các chi hội, tổ trưởng tham gia trực tiếp vào việc kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại tài sản của nhân dân để làm cơ sở cho việc hỗ trợ chi phí khắc phục, hàng cứu trợ.

- Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Hàng năm, xã đều đánh giá công tác phòng chống thiên tai của năm trước và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phòng chống thiên tai trong năm sát với tình hình thực tế của địa phương; đánh giá chặt chẽ về nguy cơ cũng như năng lực phòng chống thiên tai.

10. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phòng, chống thiên tai:

- Phương tiện, thiết bị:

ST T	Lực lượng tại chỗ	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi tập kết, cung ứng	Người quản lý (Họ và tên, chức vụ)	Ghi chú
I	Phương tiện, trang thiết bị đã có					
1	Tấm bạt	Tấm	6	Kho cất giữ UBND xã Bình Phước	Phạm Ngọc Trung, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	
2	Phao cứu sinh	Cái	30	Kho cất giữ UBND xã Bình Phước	Phạm Ngọc Trung, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	
4	Áo phao	Cái	15	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Phạm Ngọc Trung, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	
7	Máy phát điện	Cái	1	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Phạm Ngọc Trung, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
11	Dây nilông	m	600	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Phạm Ngọc Trung, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
	Phương tiện, trang thiết bị mua sắm mới					

4	Áo mưa	Bộ	15	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Phạm Ngọc Trung, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
5	Loa phóng thanh cầm tay (bao gồm pin)	Cái	5	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Phạm Ngọc Trung, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
6	Đèn pin	Cái	15	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Phạm Ngọc Trung, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
7	Xe Chiến Thắng	Chiếc	1	Thuê xe tư nhân ông Trà Xuân Ninh	Ông Trà Xuân Ninh Chủ xe	Hợp đồng với chủ xe
II	Hợp đồng					
7	Xe tải	Chiếc	5	Thuê xe tư nhân	Chủ phương tiện	
2	Thùng	cái	10	Thuê của tư nhân	Chủ phương tiện	
3	Xuồng máy	Cái	01	Chủ phương tiện Nguyễn Thái Định	Chủ phương tiện	
4	Máy cưa cây	cái	05	Thuê của tư nhân	Chủ phương tiện	

- Nhu yếu phẩm

STT	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi tập kết, cung ứng	Người quản lý (Họ và tên, chức vụ)	Ghi chú
1	Tiền	triệu đồng	50	UBND xã Bình Phước	Ông Nguyễn Thế Nhân, chủ tịch UBND xã; Huỳnh Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Kinh phí xây dựng hàng năm
2	Gạo	Kg	2.000	Lưu kho tại đơn vị cung	Huỳnh Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp

				cấp		
3	Mì tôm	Thùng	500	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Huỳnh Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp
4	Nước uống (thùng 24 chai)	Thùng	200	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Huỳnh Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp
5	Nước uống (bình 21 lít)	Bình	300	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Huỳnh Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp

Trang thiết bị, phương tiện phòng chống thiên tai được tập kết tại kho lưu của UBND xã, nhu yếu phẩm được BCH PCTT xã ký hợp đồng lưu kho tại nhà buôn; khi có thông tin về thiên tai, Ban Chỉ huy chỉ huy cho cán bộ phụ trách phân bổ phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết về các địa bàn thôn, đặc biệt các vùng xung yếu, trọng điểm cần thiết chuẩn bị ứng phó với thiên tai.

11. Công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè, thuyền thúng, biển báo...):

Trên địa bàn xã chưa có công trình phòng chống thiên tai như: Nhà trú ẩn đa năng, xe đưa đón vận chuyển người và tài sản đến nơi an toàn....BCH PCTT xã đã trưng dụng các công trình công cộng như: Trụ sở UBND xã, trạm Y tế, trường học, nhà kiên cố của các hộ dân,... trên địa bàn xã làm nơi trú ẩn an toàn cho nhân dân khi có lệnh di dời, sơ tán để tránh bão, lụt.

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI/BĐKH, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG, NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ NHẬN THỨC VỀ RRTT CỦA NGƯỜI DÂN

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

yếu là phụ nữ lớn tuổi và trẻ em, họ thiếu kiến thức, kinh nghiệm trong công tác phòng chống thiên tai.

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã tìm ra một số giải pháp nhằm ứng phó với lũ, lụt như: Tiếp tục di dời những hộ có nguy cơ rủi ro cao vào nơi sơ tán an toàn, vận động vật tư, sửa chữa, xây mới lại nhà ở; sửa chữa chuồng chăn nuôi, các hồ ao nuôi trồng thủy sản, vận động hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước sạch; thu gom rác, xác động vật, xử lý môi trường sau lụt, tăng cường công tác khám chữa bệnh cho người dân sau thiên tai.

* **Bão:** Gió mạnh cấp 10,11 có thể ảnh hưởng đến địa bàn. Nhận định, khả năng tương lai có thể có gió bão mạnh hơn (đến cấp 15, 16); kèm theo mưa lớn, nước dâng cao kéo dài, xu hướng ngày càng mạnh khó dự báo, không dự đoán được đường đi, không theo quy luật. Tháng 9 năm 2009, nhà sập hoàn toàn: 04 cái; tốc mái, hư hỏng nặng: 500 ngôi nhà, vật dụng tài sản các hộ gia đình có nhà bị sập, tốc mái hư hỏng khoảng 60%; 500 ngôi nhà bị ngập nước; 45% đường giao thông nông thôn bị ngập, khối lượng đất bị bở lờ khoảng 2.000m³, 100 m kênh mương bị sạt lở, 460m³ đất kênh mương bị sạt lở; Trụ điện bị ngã đổ, đường dây điện bị đứt dẫn đến cắt điện hơn 1 tháng trên toàn xã. 01 trường học bị ngập nước và tốc mái. 100 hécta lúa vụ đông bị ngập úng, trong đó khoản 70 ha bị ngập hoàn toàn. 20 hécta diện tích hoa màu bị ngập úng, hư hỏng nặng. Trên 4 héctar ruộng bị vùi lấp hư hỏng, Trên 4000 con gia súc, gia cầm bị chết; thuyền, thúng của ngư dân bị hư hỏng; 40 % diện tích rừng sản xuất và rừng ngập mặn bị thiệt hại. Giao thông chia cắt hoàn toàn, tình trạng dịch bệnh, thiếu nước sinh hoạt, ô nhiễm môi trường đã xảy ra.

Nguyên nhân là do nhà tạm bợ, 80% nhà lợp mái tôn, diện tích đất trồng lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản nằm trong vùng trũng, thấp; người dân nhận thức về rủi ro thiên tai còn hạn chế, các phương tiện tuyên thông, các thông tin tuyên truyền chưa đến được với người dân. Người dân chủ quan, không lập kế hoạch PCTT hộ gia đình, chưa phân công cụ thể công việc của từng thành viên trong gia đình, đặc biệt vai trò của phụ chưa phát huy, thiếu kinh nghiệm trong phòng tránh, chưa chủ động gia cố chằng chống nhà cửa, chưa chủ động di dời, sơ tán tài sản, gia súc, gia cầm...

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã chỉ đạo lực lượng xung kích, Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã ứng phó với bão như bố trí người đi sơ tán khi xảy ra bão; chuẩn bị lương thực, thực phẩm; tổ chức cứu hộ, cứu nạn, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, hỗ trợ vật tư cho các hộ bị thiệt hại. Khắc phục hậu quả thiên tai; giúp các hộ dân bị thiệt hại sửa chữa lại nhà cửa, sớm ổn định lại cuộc sống; củng cố hệ thống loa đài truyền thanh và đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về phòng chống thiên tai.

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã tìm ra một số cách ứng phó khi lốc xoáy xảy ra như: giúp đỡ nhau khắc phục hậu quả, sửa chữa lại nhà cửa, thăm hỏi, động viên các hộ gia đình thiệt hại về tài sản vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống; các đoàn thể như MTTQ, Hội phụ nữ động viên chị em phụ nữ sớm ổn định tâm lý, tinh thần sau sự cố mất mát, thiệt hại do lốc xoáy.

Lịch sử thiên tai (Bảng 2.1)

Năm... (tháng)	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại, mức độ thiệt hại (ATCĐ;SXKD;VSM T)	Tại sao bị thiệt hại? (VC;TC/XH;NT,KN,T ĐC)	Đã làm gì để PCTT (người dân, Nam nữ, chính quyền)
11/201 7	Mưa, lũ	Do ảnh hưởng của bão số 12 mưa lớn kéo dài	Toàn xã	<p>* ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 ngôi nhà bị sập, 377 nhà bị ngập nước. - 01 điểm trường bị ngập nước, phòng học bị sập đổ. - 15m đê bị bẻ lở. - 12 tuyến đường bị sạt lở khoảng 20.000m. <p>* SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2.180m kênh mương bị hư hỏng. - Hồ chứa nước phục vụ sản xuất bị sạt lở 120m. - 8 ha lúa bị thiệt hại, 4 ha hoa màu bị thiệt hại. - 6 hồ tôm bị ngập, thiệt hại khoảng 45 triệu đồng. - 04 tấn lúa khô bị cuốn trôi và hư hỏng. - Thiệt hại 31 con 	<p>*VC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà không kiên cố, nhà vùng nguy cơ, vùng trũng thấp. - Một số phòng cũ của trường THCS xây dựng đã lâu năm thấp. - Đê Cà Ninh tạm bợ; - Đường giao thông ngõ, xóm đường đất, phần lớn nằm vùng trũng. - Phần lớn kên mương chưa kiên cố hóa. <p>*TCXH</p> <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền còn hạn chế, hệ thống đài truyền thanh không dân hư hỏng do mưa gây ra; - Chính quyền địa phương thiếu kiểm tra đôn đốc, các lực lượng phòng chống thiên tai chưa thực hiện nhiệm vụ PCTT; <p>NTKN:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo phân công thành viên PCTT tìm kiếm cứu nạn, lực lượng dân quân giúp dân di chuyển đồ đạc đến nơi an toàn. - Chính quyền tổ chức thăm hỏi các gia đình bị thiệt hại về nhà ở để động viên kịp thời. - Vận động mạnh thường quân hỗ trợ lương thực, nước uống cho người dân. - Vận động vật tư, sửa chữa, cất mới lại nhà, chuồng chăn nuôi. - Tu sửa đê, đường giao thông, kênh mương bị sạt lở; - Hỗ trợ giống để người dân tái sản xuất; - Xử lý môi

				<p>gia súc, 2593 con gia cầm.</p> <p>*SK, NS, MT</p> <p>- 200 giếng nước bị ngập, người dân thiếu nước sạch.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ quan trong việc chằng chống nhà cửa; - Chưa được gia cố chằng chống; - Người dân còn chủ quan trong việc chằng chống, di dời tài sản trước khi thiên tai đến. - Gió xoáy, nước ngập trong thời gian dài, quá khả năng ứng phó của người dân; - Chuồng trại không đảm bảo, người dân chưa di dời gia súc, gia cầm đến nơi cao ráo an toàn <p>Vấn đề giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong gia đình: Không phân công rõ ràng, nam thực hiện nhiệm vụ gì, nữ thực hiện nhiệm vụ gì trong PCTT; - Số người trong độ tuổi lao động làm ăn xa chiếm khoảng 60%; phần lớn là nam giới; nam, nữ trẻ tuổi lao động trong các khu công nghiệp: Dung Quất, Visip... Ở nhà chủ yếu là người lớn tuổi, đặc biệt là phụ nữ lớn tuổi và trẻ em. Chính vì vậy ảnh hưởng trực tiếp đến công tác PCTT như: Khi 	<p>trường ở KDC các khu vực ven biển, đào hố chôn xác súc vật để ngăn ngừa dịch bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khử trùng giếng nước. - Tiếp nhận, khám chữa bệnh cho nhân dân, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ.
--	--	--	--	--	--	--

					nam giới vắng nhà, chị em phụ nữ gặp lúng túng; -Đa số chị em phụ nữ không được tham gia các cuộc hội nghị triển khai công tác PCTT, tập huấn nên khi chuẩn bị phương châm tại chỗ thường hay lúng túng.	
6/2014	Hạn hán	Nắng nóng kéo dài gây khô hạn, thiếu nước	Toàn xã	* SXKD: - 64,9ha lúa và hoa màu không gieo sạ được. 10,2 ha lúa bị cháy do thiếu nước. - Thiếu nước sinh hoạt.	- Không có ý thức dự trữ nước. - Kênh mương nội đồng bằng đất nên thất thoát nước. - Trữ lượng hồ đập chứa nước còn nhỏ.	- Nạo vét kênh mương nội đồng. - Đào ao chứa nước. - Đặt máy bơm.
11/2013	Áp thấp nhiệt đới (mưa lớn)		Toàn xã	* ATCĐ: - Kênh mương bị sạt lở khoảng 997 m ³ đất. - Đường giao thông nông thôn bị sạt lở khoảng 2600m. * SXKD: - 30 ha lúa bị hư hỏng nặng. - 36 ha hoa màu bị thiệt hại.	*VC - Kênh mương chưa được kiên cố. - Đường giao thông chưa được bê tông. *TCXH - Chưa có kế hoạch thu hoạch kịp thời.	- Người dân xung quanh giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục hậu quả sừa chữa sau thiên tai. - Chính quyền hỗ trợ kinh phí để khắc phục kênh mương và đường giao thông.
11/2010	Lụt	- Không khí lạnh tăng cường gây ra mưa vừa đến mưa to trên địa bàn.	Toàn xã	*ATCĐ: - 2 ngôi Nhà ở bị sập do sạt lở núi, 108 nhà bị ngập nước. - Khoảng 20km đường giao thông bị sạt lở nặng. - 4100m kênh mương bị sạt lở.	*VC: - Nhà ở vùng trũng thấp. - Diện tích đất canh tác hoa màu nằm trong vùng trũng. - Chưa bê tông hóa các tuyến đường nông thôn và kênh mương chưa kiên cố.	- Chính quyền tổ chức thăm hỏi các gia đình bị thiệt hại về nhà ở để động viên kịp thời. - Vận động mạnh thường quân hỗ trợ lương thực cho

				<ul style="list-style-type: none"> - 01 Hồ đập chứa nước bị sạt lở 10m và 01 hồ bị bê lở bờ tràn gây sa bồi thủy phá khoả 3 ha ruộng lúa và hoa màu. <p>*SXKD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 ha lúa vụ Đông trên địa bàn bị ngã đổ thiệt hại hoàn toàn. - 69 ha diện tích hoa màu, rau màu bị ngập úng. - 3ha diện tích ruộng bị vùi lấp, hư hỏng. - trên 300 con Gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi. <p>*SK,VSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh xảy ra, có hơn 100 hộ dân thiếu nước sạch sử dụng. - Ô nhiễm môi trường. 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu các phương tiện tuyên truyền; - Thiếu thông tin thời tiết ; - Sự vào cuộc đôn đốc kiểm tra chưa quyết liệt - Chưa có kế hoạch thu hoạch sớm trước thiên tai. <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do chưa có kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai; Còn chủ quan - Chuồng trại tạm bợ, không sơ tán gia súc, gia cầm đến nơi an toàn; - Xác súc vật chết nhiều, rác thải trôi nổi khắp nơi. <p>*Vấn đề về giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ chưa được tập huấn về công tác PCTT. - Công việc dọn dẹp sau thiên tai chủ yếu là nữ. 	<p>người dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo phân công thành viên PCTT tìm kiếm cứu nạn, lực lượng dân quân giúp dân di chuyển đồ đạc đến nơi an toàn. - Vận động vật tư, sửa chữa, cất mới lại nhà, chuồng chăn nuôi. - Xử lý môi trường ở KDC các khu vực ven biển, đào hố chôn xác súc vật để ngăn ngừa dịch bệnh. - Sửa chữa kênh mương và đường giao thông hư hỏng.
9/2009	Bão, lụt	Gió mạnh kèm mưa lớn kéo dài, nước dâng cao, ngập úng -Diễn ra khó dự báo, không theo	Toàn xã	<p>* ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 nhà bị sập, trên 500 ngôi nhà bị tốc mái. - Trên 500 ngôi nhà bị ngập nước. - 45% đường giao thông nông thôn bị ngập, khối lượng đất bị bê lở khoả 2.000m³. - 100 m kênh mương bị ngã đổ, 460m³ đất kênh mương bị sạt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở vùng trũng thấp. - Diện tích đất canh tác hoa màu nằm trong vùng trũng. - Chưa bê tông hóa các tuyến đường nông thôn và kênh mương chưa kiên cố. <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu các phương tiện tuyên truyền; - Thiếu thông tin thời 	<ul style="list-style-type: none"> -Đưa người đi sơ tán - Chuẩn bị lương thực, thực phẩm -Tổ chức cứu hộ cứu nạn - Các tổ chức đến cứu trợ, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường - Hỗ trợ vật tư

		<p>quy luật</p>	<p>lỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ điện bị ngã đổ, đường dây điện bị đứt dẫn đến cắt điện hơn 1 tháng trên toàn xã. - 01 trường học bị ngập nước và tóc mái. <p>*SXKD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 héct ta lúa vụ đông bị ngập úng, trong đó khoản 70 ha bị ngập hoàn toàn. - 20 héct ta diện tích hoa màu bị ngập úng, hư hỏng nặng. - Trên 4 héct ta ruộng bị vùi lấp hư hỏng - Trên 4000 con gia súc, gia cầm bị chết <p>*SK, VSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh xảy ra - Thiếu nước sinh hoạt - Ô nhiễm môi trường 	<p>tiết ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự vào cuộc đôn đốc kiểm tra chưa quyết liệt - Chưa có kế hoạch thu hoạch sớm trước thiên tai. <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do chưa có kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai; Còn chủ quan - Chuồng trại tạm bợ, không sơ tán gia súc, gia cầm đến nơi an toàn; - Xác súc vật chết nhiều, rác thải trôi nổi khắp nơi. <p>*Vấn đề về giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi thiên tai đến chỉ có phụ nữ ở nhà, không có kinh nghiệm trong việc chằng chống nhà của khi bão đến. - Nam giới đi làm ăn xa. - Công việc dọn dẹp sau thiên tai chủ yếu là nữ. 	<p>cho các hộ bị thiệt hại, hướng dẫn các hộ dân bơm nước chống úng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng cố các tuyến đường dây điện. - Cùng cố hệ thống loa đài truyền thanh. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về PCTT. - Quan tâm hơn đến công tác PCTT
--	--	-----------------	---	---	---

2) Thông tin đánh giá về TTDBTT

2.1. Bảng tóm tắt các TTDBTT

Lĩnh vực	Khía cạnh	Tình trạng dễ bị tổn thương
An toàn cộng đồng	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở bán kiên cố: 1.388 - Nhà thiếu kiên cố: 133 nhà, có nguy cơ cao khi bão xảy ra; - 319 nhà dân sống ở vùng trũng cần phải sơ tán trước khi thiên tai xảy ra. - 80% nhà dân ở vùng trũng không có gác lửng để di dời người và

		<p>tài sản đến nơi an toàn.</p> <p>* Rừng phòng hộ (chủ yếu là dừa nước) nằm dọc ven sông dễ ngã đổ do bão, lũ.</p> <hr/> <p>- Hệ thống điện</p> <p>Các nhánh rẽ đường dây vào nhà dân ở các khu dân cư còn chằng chịt, các trụ điện làm bằng tre, gỗ lâu ngày bị mục chưa đảm bảo an toàn.</p> <p>- Đường giao thông</p> <p>+ 18,9 km đường trục xã chưa bê tông hóa dễ bị sạt lở, ách tắc giao thông</p> <p>+ 15,1 km đường giao ngõ xóm chưa được bê tông hóa dễ bị sạt lở khi có thiên tai xảy ra.</p> <p>+ 25,5 km đường giao thông nội đồng là đường đất.</p> <p>- Trường học</p> <p>+ Trường THCS Bình Phước nằm ở vùng trũng thấp dễ bị cô lập trong mùa mưa, lũ.</p> <p>+ Cụm trường tiểu học thôn Phước Thọ 1 xây dựng lâu, xuống cấp, dễ bị ngã đổ vào mùa mưa bão.</p> <p>- Trạm Y tế:</p> <p>+ Cơ sở thuốc còn hạn chế, trang thiết bị vật tư y tế còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh so với tình hình hiện nay.</p> <p>- Hệ thống cảnh báo sớm:</p> <p>+ 04 cụm loa bị hư hỏng không sử dụng được;</p> <p>+ Không có biển báo, cột báo lũ tại khu vực nguy hiểm;</p> <p>+ 5% hộ dân không sử dụng phương tiện nghe nhìn;</p> <p>+ 2% hộ dân chưa sử dụng điện thoại;</p> <p>+ 50% hộ dân chưa tiếp cận dịch vụ Internet;</p> <p>- Phương tiện tại chỗ:</p> <p>+ Chính quyền địa phương: Chưa có ghe, xuồng; trang thiết bị còn thiếu, chưa đáp ứng công tác di dời dân khi thiên tai xảy ra.</p> <p>+ 100% người dân vùng trũng, vùng thấp và ngư dân tham gia đánh bắt hải sản không trang bị áo phao.</p>
	<p>Tổ chức xã hội</p>	<p>*Tổ chức xã hội</p> <p>- Tỷ lệ nữ tham gia Ban Chỉ huy PCTT thấp (11/58 người);</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn các thành viên của BCH PCTT chưa được tập huấn về kiến thức PCTT. Một số thành viên chưa quan tâm đúng mức. - Phần lớn thành viên đội TNXX chưa được tập huấn trang bị kiến thức PCTT, cứu hộ, cứu nạn, chưa được tham gia diễn tập. - Lực lượng PCTT ở các thôn chưa có chế độ; phương tiện cứu hộ không được trang bị. - Các thành viên của các lực lượng CH-CN thường xuyên thay đổi vì chuyển công tác. - Công tác truyền thông kiến thức PCTT còn hạn chế, chỉ tuyên truyền khi có thông báo diễn biến của thiên tai; - Việc triển khai phương án PCTT còn gặp nhiều khó khăn; - Việc đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát về PCTT chưa được thực hiện thường xuyên; - Nội dung tuyên truyền chưa đầy đủ, chưa thường xuyên. - Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác PCTT còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu. - Công tác Thi đua – Khen thưởng các cá nhân, đơn vị có thành tích về PCTT không được thực hiện; - Chưa tổ chức tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho các thuyền viên và ngư dân tham gia trên biển. - Chưa triển khai rộng rãi Luật PCTT đến cán bộ và nhân dân.
	<p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân còn thiếu kiến thức PCTT (phần lớn là phụ nữ), không biết kỹ thuật chằng chống nhà cửa. - 20% người dân chủ quan, thiếu kinh nghiệm PCTT; - Tỷ lệ nữ tham gia vào công tác PCTT thấp, thiếu kinh nghiệm; - 70% người dân không biết bơi, phần lớn là phụ nữ và trẻ em; - 95% hộ dân không biết dự trữ thuốc men trước khi thiên tai xảy ra.
<p>Sản xuất kinh doanh</p>	<p>Cơ sở vật chất</p>	<ul style="list-style-type: none"> + 60% diện tích trồng lúa, hoa màu, dưa, rau đậu các loại nằm trong vùng trũng, vùng có nguy cơ ngập nước; + Các ao, hồ nuôi tôm, cua, cá chưa được kiên cố hóa, còn thô sơ chưa đảm bảo kỹ thuật. + Ghe công suất nhỏ, đánh bắt gần bờ, thiếu trang thiết bị khi bão lớn. Trang thiết bị PCTT trên thuyền còn thô sơ, chưa đảm bảo, thiết bị cảnh báo sớm còn thô sơ + Hầu hết chuồng trại xây dựng thô sơ, không kiên cố. + 40% chuồng trại nằm ở vùng trũng, vùng thấp.

		+ Số lượng nông cụ hiện đại còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp.
	Tổ chức xã hội	+ Tập huấn áp dụng KHKT và trồng trọt và chăn nuôi chưa đầy đủ; + Nguồn vốn vay còn hạn chế, lãi suất cao. + Chưa có biện pháp bao tiêu sản phẩm. + Chưa có cơ sở cung cấp giống, thức ăn đảm bảo. + Chủ yếu là tự phát hộ gia đình, chưa có quy hoạch tập trung, chủ yếu tận dụng những nguyên liệu được sản xuất và đáp ứng nhu cầu tại địa phương.
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	- Người dân ít áp dụng KHKT vào trồng trọt mà chủ yếu dựa vào lối sản xuất cũ. - Chưa có ý thức đầy đủ về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi thích ứng với BĐKH; - Chưa áp dụng KHKT vào nuôi trồng thủy sản. - Còn một số người dân chủ quan hoặc ngại khó không di dời gia súc, gia cầm đến nơi an toàn. - Người dân ít tham gia các lớp tập huấn áp dụng KHKT vào chăn nuôi.
Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	Cơ sở vật chất	- Toàn xã chỉ có 25 hộ dân sử dụng nước máy; số hộ dân còn lại là sử dụng giếng đóng, giếng đào vì vậy nguy cơ giếng bị nhiễm phèn là rất cao. - 80% người dân chăn nuôi chưa xây dựng hầm Biogas - Dụng cụ khám chữa bệnh của trạm y tế còn thiếu. - 65% hộ dân xe thu gom rác thải không vào thu gom được. - Thiếu phương tiện xử lý ô nhiễm môi trường sau thiên tai.
	Tổ chức xã hội	- Sự phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể về vận động người dân thu gom và xử lý rác thải còn hạn chế; - Việc xử lý ô nhiễm môi trường sau thiên tai còn chậm; - Nội dung tuyên truyền về vệ sinh môi trường và CSSK còn chung chung, thiếu nội dung, chưa cụ thể hóa. - Chưa thực hiện chế tài xử lý vi phạm vệ sinh môi trường.
	Nhận thức, kinh	- Phần lớn, người dân chưa quan tâm nhiều đến kiểm tra sức khỏe định kỳ mà chỉ kiểm tra sức khỏe khi thấy có vấn đề bất

	nghiệm, thái độ/ động cơ	thường. - Một số người dân cò vứt rác, xác súc vật chết bừa bãi gây ô nhiễm môi trường; - Người dân ít đi tham gia dọn vệ sinh phát quang đường làng ngõ xóm khi địa phương tổ chức.
--	--------------------------------	--

2.2. Tình trạng dễ bị tổn thương của xã về cơ sở vật chất đối với an toàn cộng đồng

Đường giao thông, đê, cầu, cống			
TT	Tên công trình, địa điểm	Mô tả (đường đất, bê tông, nhựa, v.v.v)	Tình trạng rủi ro
1	Đường trục xã	Có 18,9km chưa được Bê tông, nhựa	Đang xuống cấp dễ bị lầy lội vào mùa mưa bão
2	Đường ngõ xóm	+ Có 15,1km đường ngõ xóm chưa được bê tông hóa. + Có 25,5km đường trục chính nội đồng là đường đất chưa được bê tông hóa.	Đang xuống cấp dễ bị lầy lội vào mùa mưa bão
3	Cầu, cống	14 cầu cống Bê tông cốt thép	có 12 cầu cống xây dựng sử dụng quá lâu xuống cấp nên không phát huy hết khả năng thoát nước.

An toàn nhà dân

TT	Thôn	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố (cần nâng cấp, xây mới)	Nhà đơn sơ (Cần xây mới)
1	Phú Long 1	238	20	
2	Phú Long 2	392	11	

3	Phú Long 3	227	17	
4	Phước Thọ 1	326	25	
5	Phước Thọ 2	205	60	
	Tổng cộng	1.388	133	

*** Nhận xét đặc điểm dễ bị tổn thương**

Bình Phước là xã đồng bằng nhưng địa hình không bằng phẳng, gò đồi xen kẽ đồng ruộng, có 03 con sông chảy qua; xã có tỷ lệ hộ nghèo 6,88%, cận nghèo 6%; nhà thiếu kiên cố: 133, nhà bán kiên cố 1.388 nhà; trên 60% diện tích trồng lúa, hoa màu nằm ở vùng trũng, thấp; các công trình về PCTT/TUĐKH như nhà tránh trú đa năng không, các thôn chưa có Nhà văn hóa; trụ sở UBND Xã, Trường học, Trạm y tế chưa đáp ứng được việc bố trí cho người dân mỗi khi cần phải di dời đến. Hệ thống thông tin, liên lạc, cảnh báo sớm xuống cấp, hư hỏng, 20% số hộ dân không được tiếp cận được các thông tin cảnh báo sớm, các thông tin thông báo về diễn biến thiên tai chủ yếu là trực tiếp, các phương tiện phục vụ cứu hộ cứu nạn thiếu, hư hỏng nhiều; Phương án PCTT, TKCHCN, phương án sơ tán hàng năm có xây dựng nhưng người dân không được biết về phương án này.

- **Nông nghiệp:** 60% hoa màu nằm ở vùng trũng có nguy cơ ngập lụt cao; Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, hệ thống tưới tiêu không đảm bảo; việc áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, chủ yếu là trồng các loại cây nông nghiệp truyền thống. 60% chuồng trại nằm ở vùng nguy cơ bị ngập nước, chuồng trại không kiên cố, kiến thức về chăn nuôi hạn chế... dễ bị thiệt hại khi thiên tai xảy ra.

- **Lâm nghiệp:** 70 ha rừng phòng hộ (rừng ngập mặn) và 423,03rừng sản xuất có nguy cơ thiệt hại do bão; đặc biệt do ảnh hưởng biến đổi khí hậu, nhiệt độ tăng lên, khô hạn kéo dài dễ dẫn đến nguy cơ cháy rừng sản xuất.

- **Thương mại, dịch vụ:** chủ yếu là buôn bán nhỏ; phần lớn là do người phụ nữ đảm nhiệm, khi nước lũ lên nhanh hàng hóa có nguy cơ bị ướt, trôi, hư hỏng rất cao, phụ nữ chịu áp lực tâm kê cất đồ đạc, hàng hóa, khắc phục hậu quả sau thiên tai, tâm lý áp lực bị lỗ vốn.

- **Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản:** Có 02 phương tiện đánh bắt nhỏ, gần 30 thuyền viên nam giới tham gia, chủ yếu là đánh bắt gần bờ, phương tiện thông tin liên lạc còn lạc hậu, chưa nắm thông tin cảnh báo sớm; lực lượng lao động này thiếu kiến thức cứu hộ cứu nạn, PCTT/Thích ứng với BĐKH;

- **Giao thông:** Phần lớn hệ thống giao thông thường bị ngập khi có lũ lụt, đường giao thông liên thôn còn nhiều đoạn chưa được kiên cố, nhiều đoạn đã xuống cấp việc đi lại của nhân dân gặp nhiều khó khăn đặc biệt khi thiên tai xảy ra.

- **Môi trường:** Những hộ dân nằm ở vùng thấp thường bị ngập nước, thời gian nước rút chậm gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước.

- **Du lịch, dịch vụ:** Chưa có doanh nghiệp đầu tư khu du lịch mà người dân tự phát, nhỏ lẻ, hàng quán tạm bợ, chưa thu hút được khách du lịch, chưa khai thác được lợi thế của địa phương;

- **Giáo dục:** Đa số các hộ gia đình có người trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa, con cái hầu như để lại ông, bà, hoặc bố hoặc mẹ chăm sóc, các em thiếu đi sự chăm sóc của bố, mẹ ít nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng học tập của các em.

- **Y tế:** 100% người dân được cấp thẻ bảo hiểm y tế, tuy nhiên người dân chưa quan tâm đến sức khỏe, chưa đi thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm mà chỉ khám sức khỏe khi thấy có vấn đề bất thường. Địa bàn rộng, lực lượng y tế mỏng, xử lý vệ sinh môi trường không kịp thời. 95% hộ dân sử dụng nước giếng đào, dễ bị ngập lũ, người dân phải đi lấy nước từ vùng khác, tình trạng thiếu nước sạch thường xuyên xảy ra sau thiên tai; một số bệnh phát sinh như: bệnh ngoài da, bệnh sốt vi rút, tiêu chảy...thường ở phụ nữ và trẻ em. Việc tuyên truyền kiến thức về sức khỏe và vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên; Phụ nữ chưa chủ động khám phụ khoa định kỳ mà chỉ khám khi thấy bất thường.

Nhận thức về rủi ro thiên tai và kỹ năng thích ứng với BĐKH của người dân còn hạn chế, chủ quan, trông chờ sự hỗ trợ của nhà nước.

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

Bảng tóm tắt Năng lực PCTT

Lĩnh vực	Khía cạnh	Năng lực phòng chống thiên tai
An toàn cộng đồng	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở UBND xã, Trường Mẫu giáo, trường Tiểu học (Cụm chính), Trạm Y tế kiên cố làm nơi tránh bão, lũ; - Nhà ở kiên cố: 141 nhà có thể vận động làm nơi trú ẩn cho nhân dân; 20% nhà dân ở vùng trũng có gác lửng để di dời người và tài sản khi có lũ. - Hệ thống điện + Có 14 trạm biến áp do địa Điện lực huyện Bình Sơn quản lý. + 100% hộ dân được sử dụng nguồn điện. - Đường giao thông + Có 01 tuyến đường huyện (ĐH07) đi qua dài 7,2km đã nhựa hóa. + Có 03 tuyến xã đã được bê tông hóa 7,4km. + 2,4km đường thôn đã được bê tông hóa. - Trường học Có 03 trường: Trường Mẫu giáo, Tiểu học, THCS đã được đầu tư xây dựng kiên cố, có đội ngũ cán bộ giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy và Phòng chống thiên tai. - Trạm Y tế + Trạm Y tế được đầu tư xây dựng khang trang (nhà 02 tầng) vào năm 2007 và đạt chuẩn quốc gia 2013. + Trạm Y tế có cán bộ chuyên môn gồm: 01 bác sĩ, 02 điều dưỡng

		<p>đại học và 02 nữ hộ sinh.</p> <p>+ Triển khai hoàn thành tốt công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm chủng mở rộng tại địa phương.</p> <p>- Hệ thống cảnh báo sớm</p> <p>+25/28 cụm loa hoạt động hiệu quả.</p> <p>+ 95% hộ dân sử dụng phương tiện nghe nhìn;</p> <p>+ 98% hộ dân sử dụng dịch vụ điện thoại;</p> <p>+ 50 hộ dân tiếp cận dịch vụ Internet.</p> <p>- Rừng ngập mặn: Có 70ha rừng ngập mặn dọc ven sông đã tạo nên vành đai chống sạt lở, chắn gió bão.</p> <p>- Phương tiện tại chỗ:</p> <p>+ 01 máy phát điện, 30 phao tròn, 15 áo phao, 06 tấm bạt 15 đên pin, 05 loa cầm tay, 600m dây ni lông.</p> <p>+ Hợp đồng: 05 xe tải nhỏ, 10 thùng chèo, 01 xuồng máy, 05 máy cưa.</p>
	<p>Tổ chức xã hội</p>	<p>- Ban Chỉ huy PCTT xã được thành lập gồm có 58 người; trong đó đ/c Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban, các thành viên là đại diện các ban ngành đoàn thể trong xã.</p> <p>- Đội dân quân xung kích: 31 người, hầu hết là nam.</p> <p>- Thành lập Đội thanh niên xung kích gồm 15 thành viên có sức khỏe, nhiệt tình.</p> <p>- Hàng năm, có Quyết định kiện toàn BCH, tiến hành sơ kết, tổng kết công tác PCTT & TKCN.</p> <p>- Hàng năm, BCH PCTT rà soát, kiểm tra xây dựng Phương án PCTT của xã; Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT cấp trên.</p> <p>- Triển khai thực hiện công tác tuyên truyền PCTT trước khi thiên tai xảy ra.</p> <p>- Hàng năm có xây dựng kinh phí phục vụ cho công tác PCTT.</p> <p>- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, đoàn thể trong công tác PCTT.</p>
	<p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ</p>	<p>- 60% người dân có kiến thức PCTT: chằng chống nhà cửa...;</p> <p>- 80% người dân có kinh nghiệm về PCTT; chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nước uống trước khi thiên tai xảy ra;</p> <p>- 30% người dân biết bơi chủ yếu là nam giới.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - 05% hộ dân dự trữ thuốc men trước khi thiên tai xảy ra; - Người dân có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau khi có thiên tai xảy ra.
<p>Sản xuất kinh doanh</p>	<p>Cơ sở vật chất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 40% diện tích trồng lúa, hoa màu, dưa, rau màu các loại nằm trong vùng cao ráo; - Rừng + Rừng ngập mặn: 70ha rừng ngập mặn (dừa nước) thu hoạch là hàng năm; ngoài ra, rừng còn là nơi người dân còn khai thác thủy hải sản đang sinh sống và phát triển. + Rừng sản xuất: 423,03ha (keo, bạch đàn, dương liễu) có giá trị sản xuất cao. - Có 06 hộ nuôi trồng thủy sản, diện tích 3,8ha (145ao, hồ) nuôi tôm, cua, cá nước ngọt có thu nhập tương đối cao. - 02 chiếc tàu thuyền, công suất 492 CV tham gia đánh bắt hải sản trên biển; - Tổng đàn trâu: 240 con, bò: 3.500 con (trong đó có 80% bò lai); heo: 2.800 con; dê: 160 con, đàn gia cầm: 75.000 con. 40% chuồng trại ở vùng cao ráo; - Toàn xã có khoảng 05 cơ sở làm bún, 15 cơ sở gỗ dân dụng, 30 cơ sở may gia dụng... hoạt động hiệu quả. - Chợ trung tâm xã được kiên cố không bị ngập nước khi thiên tai xảy ra. - Nông cụ hiện đại: 03 máy gặt liên hợp, 12 máy cày, 10 máy bằm, 15 xe tải nhẹ, 18 xe công nông vận chuyển rơm rạ.
	<p>Tổ chức xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 02 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoạt động hiệu quả. - Nhà nước hỗ trợ người dân tiếp cận vốn vay để đầu tư sản xuất. - Chính quyền thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa bờ của Nhà nước theo Quyết định 48\2010\QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm (Tiêm phòng dịch tả lợn, lở mồm long móng, dịch cúm gia cầm).
	<p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất. - Nhiều hộ dân mạnh dạn đầu tư, nuôi trồng thủy hải sản theo công nghệ mới đạt kết quả cao. - Người dân tự tìm hiểu, học tập kinh nghiệm trong việc chọn con giống, loại thức ăn, xử lý dịch bệnh.

		<ul style="list-style-type: none"> - Hầu hết người dân, đặc biệt là ngư dân có tinh thần đoàn kết chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong mọi tình huống. - Phần lớn, người dân có kinh nghiệm đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra. - Việc tiêm phòng và sử dụng thuốc thú y để bảo vệ gia súc, gia cầm sau lũ của người dân đặc biệt chú trọng. - Người dân chủ động dự trữ rơm rạ cho trâu, bò sử dụng trong mùa mưa, bão.
Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Trên địa bàn xã có 25 hộ dân sử dụng nước máy, còn lại người dân đào giếng sử dụng nguồn nước ngầm để sinh hoạt, nguồn nước tương đối đảm bảo. - Có 20% hộ dân chăn nuôi có hầm biogas. - Đội ngũ cán bộ Trạm Y tế đảm bảo trình độ thực hiện CSSK cho nhân dân. - Các cộng tác viên y tế cũng thường xuyên tham gia tập huấn để trang bị kiến thức. - 90% có nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh. - Hợp đồng Tư nhân có xe Chiến Thắng để làm công tác môi trường thu gom và vận chuyển rác thải cho 60% hộ dân.
	Tổ chức xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai hoàn thành tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại địa phương. - Hỗ trợ BHYT cho 100% hộ gia đình. - Thực hiện tốt chương trình tiêm chủng quốc gia. - Xử lý nguồn nước cho người dân sau khi thiên tai xảy ra. - Tổ chức ra quân vệ sinh môi trường. - Thực hiện tuyên truyền VSMT. - Phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể trong việc thực hiện CSSK và VSMT.
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Những hộ dân có nguồn nước bị nhiễm phèn tự mua máy lọc nước để sử dụng - Phần lớn, người dân quan tâm đến vấn đề sức khỏe, kiểm tra sức khỏe khi thấy có vấn đề bất thường.

*** Nhận xét về năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH**

Qua đợt đánh giá tại cộng đồng khi thực hiện công cụ phân tích giới cho thấy năng lực PCTT, BDKH theo giới: Nam, nữ đều được tiếp cận các chương trình tập huấn, tham gia Ban chỉ huy PCTT nhưng nam vẫn nhiều hơn; trong gia đình: nam, nữ trong độ tuổi lao động trẻ, phần lớn làm việc ở TP Hồ Chí Minh hoặc các Khu Công nghiệp: Dung Quất, Visip nên thường xa nhà, họ có nguồn thu nhập ổn định nhưng ít tham gia công tác PCTT tại gia đình và ít trực tiếp chịu ảnh hưởng bởi rủi ro thiên tai tại địa phương. Ở nhà, đa phần là người lớn tuổi nên họ có kinh nghiệm trong công tác PCTT; Nữ là người chăm lo công việc gia đình nên họ có kiến thức kinh nghiệm về chăm sóc con cái, cất giữ đồ đạc trong gia đình, cần cù chịu khó, một số chị em có nhiều kinh nghiệm hoạt động xã hội, đã chủ động xây dựng nguồn lực, phát triển kinh tế hộ gia đình.

- **Sản xuất nông nghiệp:** Chiếm 85% số hộ tham gia, thu hút cả nam và nữ đều tham gia, chủ yếu là trồng lúa, rau màu và chăn nuôi. Người dân ở đây có kinh nghiệm trong trồng trọt và chăn nuôi; tiếp cận sử dụng máy móc hiện đại vào trong sản xuất nông nghiệp. Theo nhận định của bà con những năm gần đây tình hình nắng nóng kéo dài, mưa lũ xuất hiện nhiều; cường độ và tần suất ngày một gia tăng đã ảnh hưởng đến các loại cây trồng, vật nuôi. Các hộ gia đình chủ động đầu tư giếng khoan chủ động nguồn nước tưới cho diện tích cây mè, đậu, cây dưa.

- **Lâm nghiệp:** Chém tỉ lệ tương đối cao, số diện tích rừng sản xuất đã được cấp Giấy phép quyền sử dụng đất cho hộ dân quản lý, vì vậy việc trồng, bảo vệ chăm sóc, khai thác có hiệu quả.

- **Nuôi trồng thủy sản:** Chiếm tỉ lệ thấp, chủ yếu là nuôi tôm, cua, cá có thu nhập cao hơn làm nông nghiệp; Các gia đình vừa nuôi tôm, các vừa làm ruộng (nam giới thường phải đi canh tác ao, hồ nuôi tôm, cá; nữ vừa làm ruộng vừa phải làm công việc gia đình). Đầu ra của tôm, cua, cá tương đối ổn định.,

- **Dịch vụ, thương mại:** Chiếm tỉ lệ thấp, chủ yếu là tạp hóa và buôn bán nhỏ, thu hút lực lượng nữ tham gia, giúp họ có thu nhập, tăng chất lượng cuộc sống.

- **Giáo dục:** trình độ giáo viên đảm bảo, 100% học sinh đến tuổi đi học được đến trường.

- **Về Y tế:** Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, tăng cường công tác khám chữa bệnh và phòng ngừa các dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng. Chỉ đạo kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra, giám sát dịch bệnh tại cộng đồng và tổ chức dọn vệ sinh, phun thuốc tiêu độc, khử trùng phòng, chống dịch bệnh phát sinh tại địa phương.

4. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Người dân hiểu biết về biến đổi khí hậu, thiên tai còn hạn chế. Mặc dù đã có một số kinh nghiệm về phòng tránh thiên tai nhưng còn rất ít, đặc biệt là việc áp dụng trong điều kiện BDKH chưa phù hợp. Những năm gần đây, hiểu biết về thiên tai ngày càng được cải thiện hơn thể hiện qua việc làm nhà kiên cố hơn, nữ chủ động dự trữ dự trữ lương thực thực phẩm trước mùa thiên tai, nam chằng chống nhà cửa ... Nhưng người dân kể cả nam và nữ chưa được tiếp cận chưa được tập huấn kiến thức về BDKH, kiến thức PCTT; công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, thích ứng với biến đổi khí hậu chưa thường xuyên nên đa số người dân còn chủ quan, trông chờ, thiếu chủ động, chưa biết phương châm “4 tại chỗ” trong phòng chống thiên tai; 100% hộ gia đình không xây dựng kế hoạch PCTT, không có phương tiện cảnh báo sớm như ra điô để nghe cảnh báo thiên tai mỗi khi mất

điện, nằm trong khu vực có nguy cơ cao nhưng người dân không biết nơi để di dời sơ tán, không tiếp cận được với kế hoạch phòng chống thiên tai của địa phương; Số người dân ý thức đóng góp cho cộng đồng trong công tác phòng chống thiên tai chưa cao, còn trông chờ vào sự đầu tư của nhà nước nên chưa huy động được nhiều nội lực từ nhân dân.

Đánh giá mức độ nhận thức rủi ro thiên tai theo giới:

Qua đánh giá tại 02 cụm thôn cho thấy:do đặc thù của cơ cấu lao động, phân công công việc: Nam giới thường tham gia những công việc nặng nhọc: đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất lâm nghiệp, thợ hồ, thợ xẻ gỗ... nên các rủi ro họ thường phải đối mặt đó là: người có thể bị chết hoặc bị thương, hoặc các rủi ro về áp lực gánh nặng trong gia đình khi họ luôn nghĩ rằng mình là trụ cột gia đình nên khi gia đình họ bị thiệt hại do thiên tai, rủi ro bất ngờ có thể làm cho họ bị ảnh hưởng về tinh thần.

Trong khi đó 95% nữ giới tại địa phương chịu trách nhiệm chính về chăm lo công việc gia đình, chăm sóc con cái, 50% nữ tham gia công việc trồng, chăm sóc lúa hoa màu, các rủi ro chị em thường phải đối mặt đó là một số các bệnh liên quan đến tình trạng ngập úng kéo dài trên diện rộng đó là cảm sốt và bệnh ngoài da; Khi thiên tai xảy ra công việc chăm sóc con cái, chăm sóc cuộc sống gia đình, các công việc về PCTT chị em phải đối mặt với những khó khăn, có thể bị ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của phụ nữ khi không có nam giới ở nhà.

Qua đợt đánh giá tại cộng đồng cả nam và nữ thì nhận thức của nam giới tốt hơn so với nữ giới vì nam giới thường là trụ cột gia đình, là người quyết định mọi việc và tham gia các hoạt động xã hội nhiều hơn, đồng thời cũng là người tham gia công tác PCTT nhiều hơn, nên hiểu biết về RRTT cũng nhiều hơn nữ giới.

C. Tổng hợp Rủi ro thiên tai và Giải pháp phòng, chống thiên tai/BĐKH

1. Tổng hợp rủi ro thiên tai:

Thiên tai	Xu hướng thiên tai	Rủi ro thiên tai
Bão	<p>Gió lớn cấp 10, cấp 11, kèm mưa to</p> <p>Tần suất ngày càng tăng, cấp độ bão ngày càng lớn.</p>	<p>* An toàn cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà sập, trôi, tốc mái ; - Tài sản, các trang thiết bị gia dụng hư hỏng; - Cơ sở hạ tầng bị phá hủy; - Hư hỏng đường giao thông. - Đường giao thông sạt lở, cầu, cống dễ bị sập (đã xuống cấp) làm gián đoạn giao thông; - Trường học sập , tốc mái khi có bão; học sinh nghỉ học; - Cột điện bị đổ, hệ thống đường dây điện bị hư hỏng nặng' . <p>* Sản xuất kinh doanh</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Ao, hồ nuôi tôm, bị vỡ, sạt lở; hồ nuôi cá bị hư hỏng nặng; thủy sản bị trôi; - Thuyền, thúng bị trôi, chìm, ngư lưới cụ bị trôi, hư hỏng. - Diện tích lúa, hoa màu bị, đổ gãy, ngập úng, dịch bệnh, giảm năng suất. - Gia súc, gia cầm chết, trôi; <p>* Sức khỏe, vệ sinh, môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh về người và gia súc. - Ô nhiễm nguồn nước sau lũ lụt ảnh hưởng đến đời sống người dân.
Lũ, lụt	<p>Mưa to kéo dài, nước dâng nhanh ; xuất hiện nhiều hơn so với những năm trước đây.</p> <p>Nước lên nhanh, rút chậm</p> <p>(3 ngày mới rút hết)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà bị ngập nước; - Nhà bị ngập nước khoảng 1,5-2mét. - Đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng. - Hoa màu bị ngập úng; lương thực, thực phẩm bị ướt. Ruộng lúa bị sa bồi thủy phá. - 50% hàng hóa của tiểu thương bị hư hỏng, ướt. - Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp bị ngập nước hư hỏng hàng hóa, gián đoạn hoạt động; - Thiệt hại về gia súc, gia cầm. - Tài sản của các cơ quan; các trang thiết bị trong trường học bị hư hỏng nặng, - Môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh về người và gia súc. - Ô nhiễm nguồn nước, môi trường sau lũ lụt ảnh hưởng đến đời sống người dân . - Thiếu nước sạch.
Giông sét, lốc xoáy	Xảy ra bất ngờ, khó dự đoán	<ul style="list-style-type: none"> - Người chết, bị thương; - Nhà sập, tóc mái; - Thiết bị điện hư hỏng; - Trường học bị tóc mái, học sinh nghỉ học; - Trụ điện gãy đổ, mất điện kéo dài; - Ghe, thuyền chìm, hư hỏng; ngư lưới cụ bị phá hủy; - Cây cối ngã, đổ; hoa màu mất trắng; - Chuồng trại hư hỏng, thiệt hại gia súc, gia cầm.

		- Dễ bị cháy rừng phòng hộ.
Sương muối	Thường xảy ra vào tháng	Lúa, hoa màu, dưa, rau màu các loại bị hư hại, giảm năng suất hoặc thất thu

2. Xếp hạng rủi ro thiên tai:

Qua phân tích thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương, người dân và cán bộ xã đã xác định được 09 rủi ro thiên tai thường xuyên ảnh hưởng đến người dân toàn xã, tiến hành xếp hạng theo 3 tiêu chí: (1) Nghiêm trọng; (2) Diện rộng; (3) Thường xuyên xảy ra, kết quả theo bảng sau:

Rủi ro thiên tai	Cụm 1 (Thôn Phú Long 1, Phú Long 2, Phú Long 3)		Cụm 2: (Phước Thọ 1, Phước Thọ 2)		Tổng cộng		Tổng cộng	Xếp hạng
	Nam (21)	Nữ (9)	Nam 17	Nữ 13	Nam 38	Nữ 22		
1. Nhà cửa có nguy cơ bị sập, tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai xảy ra	10	9	12	11	22	20	42	III
2. Người có nguy cơ bị chết hoặc bị thương khi thiên tai xảy ra.	11	10	11	10	22	20	42	II
3. Gia súc, gia cầm có thể bị chết, bị trôi, dịch bệnh khi xảy ra lũ lụt	4	6	5	6	9	12	21	VII
4. Hàng hóa của các hộ dân dịch vụ thương mại có thể bị ướt, trôi, hư hỏng	5	8	3	7	8	15	23	VI
5. Các phương tiện đánh bắt có thể bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra	3	4	2	1	5	5	10	XI
6. Đường giao thông có thể bị ngập nước, sạt lở, ách tắc giao thông.	7	5	7	8	14	13	27	V
7. Hệ thống truyền thanh hư hỏng, không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo	1	2	1	2	2	4	6	XII

8.Nguy cơ mắc các bệnh tiêu chảy, sốt siêu vi, bệnh ngoài da...sau thiên tai	9	10	9	12	18	22	40	IV
9.Ngập úng trên diện rộng, hư hại mất trắng hoa màu, cây lương thực	12	12	10	11	22	23	45	I
10. Nguy cơ mất trắng sản lượng thủy sản khi có thiên tai	6	7	5	3	11	10	21	VIII
11.Thiệt hại về cây lâm nghiệp khi có bão	4	3	6	5	10	8	18	IX
12. Mất điện kéo dài khi có thiên tai xảy ra	2	1	4	4	6	5	11	X

Kết quả xếp hạng rủi ro theo các lĩnh vực:

- **An toàn cộng đồng:** Người dân kể cả nam và nữ ở các thôn đều đặc biệt quan tâm đến các rủi ro: Người có thể bị chết hoặc bị thương do bão, lũ gây ra; nhà bị sập, tốc mái do bão lớn; đường giao thông sạt lở, ách tắc giao thông .

- **Sản xuất, kinh doanh:** Người dân ở 02 cụm thôn hết sức quan tâm đến những rủi ro thiệt hại về cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp, gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh.

Những hộ dân tham gia hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản đặc biệt quan tâm đến những rủi ro: thiệt hại về người, ghe, thúng bị hư hỏng, chìm; ao, hồ nuôi tôm cua bị sạt, lở, ao cá bị trôi. Phụ nữ cũng rất quan tâm vì lo lắng mất mát tài sản, mất mát người thân; quan tâm đến những rủi ro thiệt hại về cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp, gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh.

- **Sức khỏe, vệ sinh, nước sạch, môi trường:** Người dân quan tâm đến rủi ro thiếu nước sạch khi thiên tai xảy ra, môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh xảy ra ảnh hưởng đến sức khỏe.

* **Nhận xét chung:** Đa số người dân xã Bình Phước vẫn còn thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu nên nhận thức về rủi ro thiên tai, BĐKH còn hạn chế; người dân ở khu vực có nguy cơ cao (sạt lở, vùng thấp trũng) chưa được tập huấn kiến thức PCTT, cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu; đa số các hộ dân vùng có nguy cơ cao dễ tác động của bão, lũ nhưng người dân thiếu kiến thức về xây dựng nhà an toàn, kỹ thuật chằng chống nhà cửa. Đặc biệt, lực lượng lao động trẻ và nam giới phần lớn đi làm xa hoặc lao động trong các Khu công nghiệp Visip, Dung Quất, ở nhà thường là những người phụ nữ lớn tuổi (> 50 tuổi) và trẻ em, thiếu nhân lực phòng chống thiên tai nên họ luôn phải chịu áp lực với tác động của thiên tai, vừa lo lắng tổn hại về tài sản, mùa màng, hàng hóa..., họ còn phải chịu tổn hại về tinh thần khi phải lo lắng cho những người trong gia đình.

Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai/BĐKH

Lĩnh vực	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm; Người hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thực hiện	Thời gian	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Nhà nước	Người dân	Huy động
An toàn cộng đồng	1.Vận động làm nhà an toàn	Các hộ dân có nhà thiếu kiên cố và có hoàn cảnh khó khăn	1.Khảo sát, đánh giá, bình xét, lập danh sách	Các đoàn thể thôn, xã, địa chính, XD	Ngắn hạn	100%		
			2.Vận động nguồn lực	Ban Mặt trận thôn, CQ địa phương	Ngắn hạn	30%	20%	50%
			3. Tập huấn XD nhà an toàn cho các nhóm thợ	XD , các nhóm thợ	Ngắn hạn	100%		
			4.Thiết kế và xây dựng nhà an toàn	XD, các nhóm thợ	Ngắn hạn	50%	50%	
			5. Đưa vào sử dụng	Hộ dân	Dài hạn		100%	
	2.Bê tông hóa đường giao	Đường giao thông liên thôn	1.Khảo sát, đánh giá	Địa chính-GT-TL	Trung hạn	100%		
			2. Lập dự trù kinh phí	GT-TL	Ngắn hạn	100%		
			3.Vận động nguồn lực	UBND xã, các đoàn thể	Trung hạn	80%	20%	
			5.Tổ chức thực hiện	UBND xã, đoàn thể	Trung hạn	100%		
			6.Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, các thôn	Dài hạn		100%	
	3. Xây dựng mới cụm trường tiểu học	Thôn Phước Thọ 1	1.Khảo sát, đánh giá,	UBND xã, Trưởng các thôn	Ngắn hạn	100%		
			2.Vận động nguồn lực	UBND xã, Trưởng các thôn	Trung hạn	50%	10%	30%

			3.Thiết kế và xây dựng	UBND xã, Hiệu trưởng các trường	Trung hạn	100 %			
			4.Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, Trưởng các thôn và nhân dân	Dài hạn	50%	50%		
	4.Xây dựng Nhà Văn hóa cộng đồng xã và Nhà văn hóa 05 thôn		1.Khảo sát, đánh giá,	UBND xã Các trường thôn	Ngắn hạn	100 %			
			2.Vận động nguồn lực	UBND xã	Trung hạn	20%	10%	70%	
			3.Tổ chức thực hiện	UBND xã	Trung hạn	100 %			
			4.Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, các thôn, nhân dân	Dài hạn	100 %			
	5. Nâng cấp, đầu tư trang bị hệ thống truyền thông	Hệ thống truyền thanh của xã	1.Khảo sát, đánh giá	CB văn hóa, Lãnh đạo xã	Ngắn hạn	100 %			
				2. Lập dự toán	Cán bộ Văn hóa; tài chính	Ngắn hạn	100 %		
				3. Vận động nguồn lực	UBND xã, các đoàn thể	Trung hạn	50%		50%
				4. Tổ chức thực hiện	UBND xã , xây dựng	Trung hạn	70%	20%	
				5. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, cán bộ Văn hóa	Dài hạn	100 %		
	6 Trang bị phương tiện	BCH PCTT xã, Tổ PCTT	1.Khảo sát, đánh giá	UBND xã, BCH PCTT	Ngắn hạn	100 %			
				2. Lập dự trù kinh phí	Kế toán	Ngắn	100		

	PCTT	05 thôn			hạn	%		
			3.Vận động nguồn lực	UBND xã, BCH PCTT	Trung hạn	20%		80%
			5.Tổ chức mua sắm, tiếp nhận	UBND xã Kế toán BCH PCTT, Đội xung kích, Tổ PCTT các thôn	Ngắn hạn	100 %		
			6.Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, BCH PCTT, Đội xung kích, Tổ PCTT các thôn	Dài hạn	100 %		
	7.Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT	Đội xung kích, lực lượng đánh bắt hải sản, Cán bộ, giáo viên, Nghệ Đoàn nghề cá, Người dân trong xã	1. Lập KH (kinh phí, điều kiện đảm bảo)	Lãnh đạo UBND, các đoàn thể	Ngắn hạn	100 %		
			2. Tuyên truyền PCTT lồng ghép qua các buổi họp ở thôn và các ban, ngành đoàn thể.	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể	Thường xuyên	100 %		
			3. Tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh xã	Lãnh đạo UBND, Cán bộ văn hóa thông tin xã	Thường xuyên	100 %		
			4. Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn cho đội xung kích, lực lượng đánh bắt hải sản; người dân, các em học sinh.	Trạm y tế; các ban, ngành, đoàn thể xã, hiệu trưởng các trường	Trung hạn	25%	5%	70%
			5. Tổ chức diễn tập	Ban CHPCTT, Trưởng thôn, dân	Trung hạn	30%	20%	50%

Sản xuất kinh doanh	8. Bảo vệ diện tích rừng hiện có và trồng mới (rừng phòng hộ trên cát và rừng sản xuất)	Rừng phòng hộ và rừng sản xuất	1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân bảo vệ rừng (rừng phòng hộ và rừng sản xuất)	BCH Phòng cháy, chữa cháy rừng, các ban ngành, đoàn thể, trưởng thôn	Dài hạn	100 %		
			2. Khảo sát lại diện tích rừng hiện có	Địa chính, XD	Ngắn hạn	100 %		
			3. Trồng bổ sung diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất	CQ địa phương, nhân dân	Dài hạn	30%	30%	70%
			4. Xây dựng quy chế trồng, bảo vệ rừng (hạn chế phá rừng để nuôi tôm, làm nhà)	UBND xã	Dài hạn	50%	50%	
	9. Đẩy mạnh việc củng cố và phát triển nghề cá	Chủ ghe, thuyền và ngư dân	1. Thành lập Nghiệp đoàn nghề cá	UBND xã	Ngắn hạn	100 %		
			2. Xây dựng kế hoạch phát triển bền vững nghề cá	UBND xã, Nghiệp đoàn nghề cá	Ngắn hạn	100 %		
			2. Tăng cường công tác quản lý bến bãi	Trung tâm dịch vụ biển	Thường xuyên	100 %		
			3. Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp ghe, thuyền và ngư lưới cụ	Đồn biên phòng Đức Minh, Chủ tàu thuyền	Thường xuyên	30%	20%	50%
	10. Đầu tư nâng cấp hệ thống tưới tiêu		1. Khảo sát, đánh giá,	UBND xã, GT- TL	Ngắn hạn	100 %		
			2. Lập dự toán	UBND xã, GT-TL	Ngắn hạn	100 %		
			3. Vận động nguồn lực	UBND xã, GT-TL	Trung hạn	100 %		
			4. Tổ chức thực hiện	UBND xã, GT-TL	Trung hạn	100 %		

			5. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, GT-Tà người dân	Dài hạn		100 %		
	11. Áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Người dân toàn xã	1. Tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc họp thôn	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể, Nông nghiệp	Thường xuyên		100 %		
2. Tập huấn trang bị kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản cho người dân			UBND xã, Phòng Nông nghiệp	Thường xuyên		100 %			
3. Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo			HTX, Phòng Nông nghiệp	Ngắn hạn		50%	50%		
	12. Xây dựng, phát triển các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình thích ứng với BĐKH		1. Khảo sát, tìm kiếm mô hình	Nông nghiệp	Ngắn hạn		100 %		
		2. Vận động nguồn lực, kêu gọi đầu tư	Nông nghiệp	Trung hạn		50%	50%		
		3. Học tập kinh nghiệm	Nông nghiệp, người dân	Ngắn hạn		50%	50%		
		4. Xây dựng mô hình điểm	Nông nghiệp, người dân	Ngắn hạn		50%	50%		
		5. Nhân rộng đại trà	Nông nghiệp, người dân	Trung hạn		50%	50%		
		6. Nghiệm thu đưa vào thực hiện	Nông nghiệp, người dân	Trung hạn		50%	50%		
Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	13. Xử lý ÔNMT		1. Tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc họp thôn về VSMT	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể,	Thường xuyên		100 %		
			2. Thành lập Tổ tự quản	Các Ban	Ngắn		100		

			VSMT	thôn	hạn	%		
			3.Thực hiện chế tài xử lý vi phạm ÔNMT	UBND, Công an, người dân	Thường xuyên	100 %		

D. Kết luận và đề xuất

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra cho người dân xã Đức Minh, trong thời gian tới, đề xuất các ngành, các cấp có thẩm quyền cần tập trung một số giải pháp sau:

1. Đối với các ngành

- Nông nghiệp: Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo; tập huấn áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (> 30% nữ tham gia); xây dựng mô hình điểm phát triển kinh tế hộ gia đình thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển rộng rãi để người dân học tập làm theo (đặc biệt là phụ nữ)

- Lâm nghiệp: Bảo vệ diện tích rừng hiện có và trồng mới (rừng phòng hộ chống biến đổi khí hậu và rừng sản xuất).

- Thủy sản: Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp tàu, thuyền và ngư lưới cụ; đẩy mạnh việc củng cố và phát triển nghề cá.

- Xây dựng: Tuyên truyền nhân dân xây dựng nhà an toàn trước thiên tai; thiết kế và xây dựng nhà an toàn, tập huấn cho các đội thợ về kỹ thuật xây dựng nhà an toàn.

- Giáo dục: Đầu tư xây dựng. Cụm trường tiểu học thôn Phước Long 1

- Giao thông, thủy lợi: Nâng cấp, bê tông hóa đường giao thông ngõ, xóm; xây dựng hệ thống cống thoát nước để giảm tình trạng ngập úng trên diện rộng trong thời gian dài.

- Thông tin truyền thông: Nâng cấp, đầu tư trang bị hệ thống truyền thông cảnh báo sớm; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao nhận thức của nhân dân về vệ sinh môi trường.

2. Đối với UBNDTTQVN và các đoàn thể xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và nhân dân, nâng cao hiểu biết, nâng cao ý thức chủ động phòng ngừa, ứng phó khi thiên tai xảy ra, theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, thu gom, xử lý rác thải và xử lý triệt để các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, các tổ chức trong hoạt động phòng chống thiên tai và các hoạt động khác.

3. Đối với Đảng ủy, UBND Xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, đặc biệt về Luật phòng chống thiên tai, Đề án 1002 của Chính Phủ, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng chống thiên tai.

- Vận động, kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, các chương trình dự án để nâng cấp hệ thống loa truyền thanh toàn xã, nhằm phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền, thông tin liên lạc, dự báo, các biển báo nơi có nguy cơ cao.

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai trong việc xây dựng dự án, kế hoạch phòng chống thiên tai và lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm, bổ sung vào kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm và khen thưởng kịp thời trong công tác phòng chống thiên tai.

4. Cấp huyện, tỉnh, Trung ương, Dự án GCF

Để có các biện pháp giúp cho địa phương và người dân xã Bình Phước chủ động phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế - xã hội và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Bình Phước kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, các tổ chức Phi chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động trong kế hoạch PCTT và xem xét giải quyết các kiến nghị, đề xuất sau:

***An toàn cộng đồng**

1. Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ dân có nhà ở không an toàn, đặc biệt gia đình phụ nữ là chủ hộ;

2. Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã, 05 nhà văn hóa của 05 thôn;

3. Nâng cấp, đầu tư trang bị hệ thống truyền thông, biển báo, cảnh báo sớm;

4. Nâng cấp, bê tông hóa đường giao thông liên thôn; liên xóm;

5. Đầu tư xây dựng điểm trường tiểu học thôn Phước Thọ 1.

6. Trang bị phương tiện Phòng chống thiên tai cho Đội TNKK xã và Tổ PCTT của các thôn;

7. Tập huấn kiến thức PCTT, biến đổi khí hậu cho cán bộ, người dân, học sinh các trường học (ít nhất 30% nữ tham gia);

8. Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, Tổ PCTT các thôn và nhân dân;

9. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT và thích ứng với biến đổi khí hậu.

10. Bảo vệ và trồng thêm rừng phòng hộ.

*** Sản xuất kinh doanh**

1. Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp tàu, thuyền và ngư lưới cụ;

2. Đẩy mạnh việc củng cố và phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản;

3. Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo;

4. Tập huấn áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (ít nhất 30% nữ tham gia);

5. Xây dựng mô hình điểm phát triển kinh tế hộ gia đình thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển rộng rãi để người dân học tập làm theo (đặc biệt là phụ nữ trên 50 tuổi).

6. Trồng mở rộng diện tích rừng sản xuất.

*** Sức khỏe, vệ sinh, môi trường**

1. Thành lập các Tổ tự quản vệ sinh môi trường;

2. Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch;

3. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người về vệ sinh môi trường nhất là đối tượng phụ nữ.

Trên đây là báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng xã Bình Phước thực hiện đánh giá vào tháng 4 năm 2018 đã được lãnh đạo xã và các ngành, đoàn thể góp ý bổ sung./.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA, Tỉnh, Huyện (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN Tỉnh, Huyện (báo cáo);
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCD:

Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá

Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá RRTT-DVCD

Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương

Phụ lục 4. Kết quả đánh giá

Phụ lục 5. Kế hoạch PTKTXH xã tại năm đánh giá

Phụ lục 6. Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Phụ lục 7. Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá của nhóm